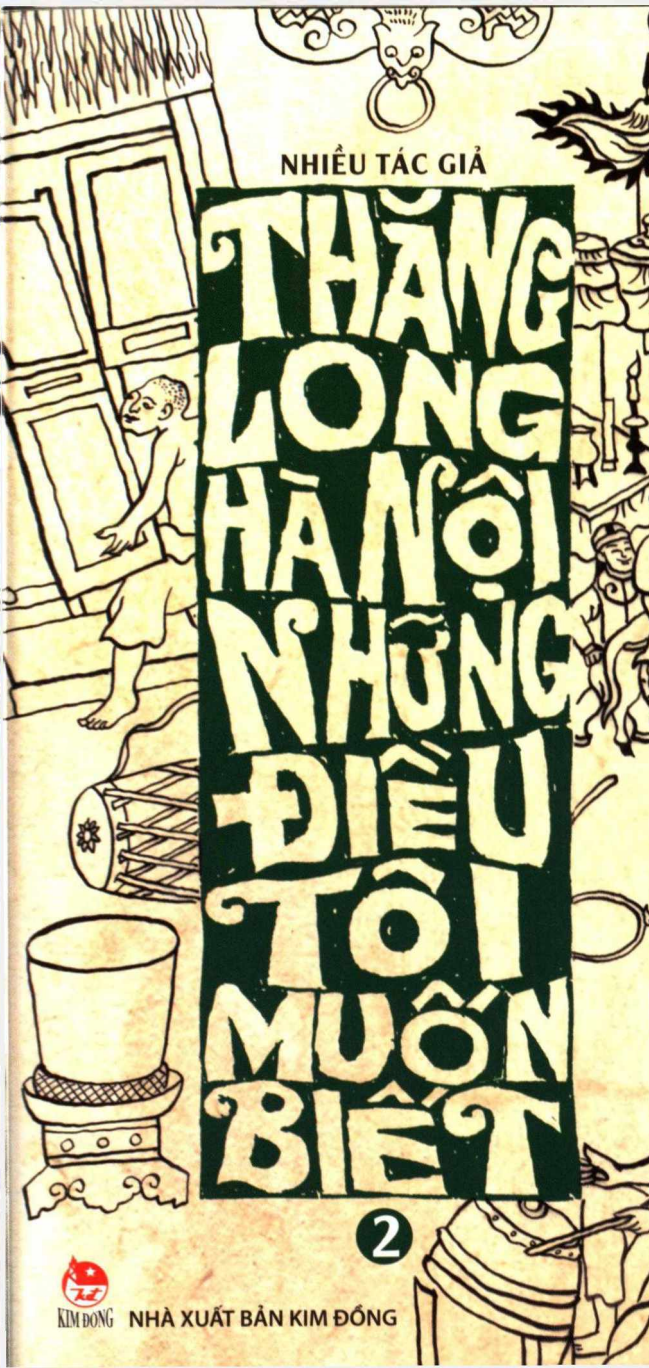




NHIỀU TÁC GIẢ

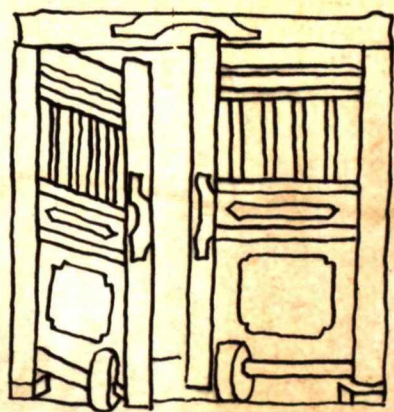
THĂNG LONG HÀ NỘI NHỮNG ĐIỀU TÔI MUỐN BIẾT

2



KIM ĐỒNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



Cuốn sách này của

.....

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Thăng Long - Hà Nội, những điều tôi muốn biết. - Tài bản lần thứ 2. - H. :
Kim Đồng. - 18cm

T.2. - 2016. - 184tr. : tranh vẽ

ISBN 9786042049443

1. Lịch sử 2. Hà Nội

959.731 - dc23

KDM0791p-CIP

Thăng Long Hà Nội những điều tôi muốn biết

© Nhóm biên soạn, (2010)

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng tác phẩm
giữa Nhóm biên soạn và Nhà xuất bản Kim Đồng, (2010)

Bản quyền hình ảnh bìa, minh hoạ thuộc về
Nhà xuất bản Kim Đồng, (2010)

Vẽ bìa và minh họa: **Tạ Huy Long**

Trình bày bìa: **Vũ Xuân Hoàn**

Thăng Long - Hà Nội

Những điều tôi muốn biết

Tập 2

(Sưu tầm và biên soạn)



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Nhóm biên soạn:

Nguyễn Thị Phương Huệ

Nguyễn Thị Vân

Nguyễn Mạnh Tuấn

Trần Văn Mạnh

Bùi Thị Lan

Trần Văn Dung

Phạm Thanh Văn

Nguyễn Thủy Linh

Trần Nhật Mỹ

M ụ c l ụ c

Thăng Long - Địa linh

[9]

Thăng Long - Nhân kiệt

[33]

Thăng Long - Lịch sử

[69]

Thăng Long - Truyền thống & Hào hoa

[105]

Thăng Long - Quy chiếu ra thế giới

[139]

Ô chữ Thăng Long

[159]

Thăng Long đệ nhị thủ

Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành
Do thị Thăng Long cịu đế kinh
Cù hạng tứ khai mê cịu tích
Quản huyền nhất biến tạp tân thanh
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hựu thán tức
Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh.

(Nguyễn Du)

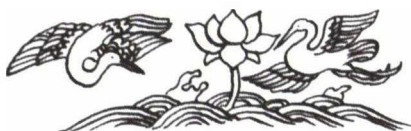
Thăng Long bài II

Thành mới trắng xưa bóng tỏ mờ
Thăng Long nghìn trước chốn kinh đô
Dấu xưa khuất lấp đường xe ngựa
Điệu mới xô bồ nhịp trúc tơ
Danh lợi mỗi ngon đua cướp giật
Bạn bằng lớp trước sống lơ thơ
Nổi chìm thế sự đành than nữa
Mái tóc mình đây cũng bạc phơ.

(Bản dịch: Quách Tấn)

THĂNG LONG

ĐỊA LINH



Nơi đầu tiên Đài Tiếng nói Việt Nam tiếp tục công tác phát thanh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp sau khi rời nội thành Hà Nội, cũng là nơi Bác Hồ đọc “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” năm 1946 là ở đâu? Địa danh này có đặc điểm gì?

Đó chính là ở chùa Trầm, thuộc xã Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội. Hằng năm, cứ vào tháng 2 Âm lịch, chùa Trầm lại mở hội, đón nhiều du khách thập phương về lễ Phật và thưởng ngoạn cảnh đẹp nơi đây.

Chùa Trầm do một vị tướng quân xuất gia tên là Trần Văn Tăng lập nên. Chùa được xây dựng vào thế kỉ 16, đặt theo tên ngọn núi Tử Trầm mà nó dựa vào. Nơi đây phong cảnh diễm lệ hữu tình, xưa kia từng đặt hành cung của vua Lê và chúa Trịnh. Có đến 15 bài thơ, phú vịnh cảnh núi Trầm

hiện vẫn còn trên vách đá trong động Long Tiên bên cạnh kho tàng 60 pho tượng Phật.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại địa chỉ nào?

Đó là ngôi nhà số 48 Hàng Ngang. Đây là địa chỉ gắn liền với lịch sử cách mạng vẻ vang của dân tộc. Ngôi nhà này vốn của vợ chồng thương gia yêu nước Trịnh Văn Bô và Hoàng Minh Hồ. Hai ông bà đã tham gia Việt Minh.

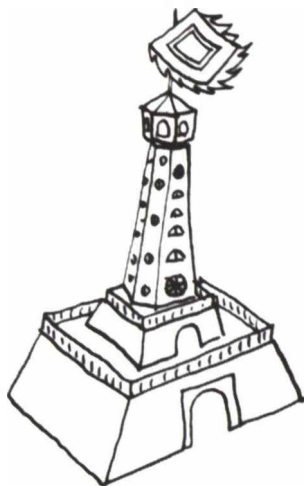
Vào ngày 19-8-1945, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi. Đến ngày 22, tại số nhà 48 Hàng Ngang, đồng chí Trường Chinh cùng Thường vụ Trung ương Đảng họp bàn, ra chỉ thị cho các nơi tiếp tục giành chính quyền và bàn việc đón Bác Hồ về Hà Nội. Ngày 25, Bác về Hà Nội và ở tại ngôi nhà này.

Bác và các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương ở tại tầng hai của ngôi nhà. Tại đây, Bác đã chủ toạ cuộc họp đầu tiên của Thường vụ Hà Nội, quyết định một số vấn đề quan trọng như: tổ chức mít tinh

để Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân và thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Bác chọn một phòng nhỏ trên tầng hai để ở và làm việc. Trong phòng có một bàn tròn, một ghế tựa và một chiếc đi văng. Ngày 28-8-1945, Bác đã thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*, một văn kiện có tầm quan trọng lớn lao trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam.

Cột Cờ Hà Nội cao bao nhiêu mét? Được xây dựng vào thời gian nào?

Là một trong những biểu tượng của Hà Nội, Cột Cờ được xây dựng vào năm 1805 dưới triều nhà Nguyễn (có tài liệu ghi là năm 1812). Công trình này gồm 3 tầng đế và một thân cột. Các tầng có hình chóp vuông cụt, thuôn dần về phía đỉnh, xung quanh có tường vây. Cả 3 tầng đều có cửa vào và bậc thang lên xuống. Kích thước mỗi chiều của tầng một là 42,5m, cao 3,1m. Kích thước mỗi chiều của tầng hai là 27m, cao 3,7m. Tầng hai có tất cả 4 cửa, trong đó 3 cửa đắp chữ: ở cửa hướng đông là "Nghênh hức"



(đón nắng sớm), ở cửa hướng tây là "Hồi quang" (ánh sáng phản chiếu), ở cửa hướng nam là "Hướng minh" (hướng về ánh sáng), cửa hướng bắc không có chữ. Tầng ba có kích thước mỗi chiều là 12,8m, cao 5,1m. Trên tầng ba là cột cờ hình bát giác đều với chiều dài mỗi cạnh đáy là 2,13m, thân trụ cao 18,2m. Trong lòng cột có cầu thang gồm 54 bậc xây theo hình xoắn ốc lên tới đỉnh. Đỉnh Cột Cờ là một lầu bát giác, cao 3,3m, mỗi mặt trở một cửa sổ. Giữa lầu có một trụ tròn đường kính 0,4m để cắm cờ. Như vậy, tổng chiều dài của toàn Cột Cờ là 33,4m, nếu tính cả chiều cao của cán cờ (8m) Cột Cờ cao 41,4m.

Vì sao một con phố của Hà Nội lại từng có tên là Cẩm Chỉ?

Phố Cẩm Chỉ là tên gọi cũ của ngõ Hàng Bông hiện nay (đi từ phố Tống Duy Tân đến phố Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm). Đây vốn là lối đi vào Dương Mã thành, được xây để bảo vệ cho cửa Đông Nam của thành Thăng Long đời Nguyễn. Thời Pháp thuộc, phố này được gọi là phố Lôg-đơ. Sau Cách mạng tháng Tám, tên phố được đổi thành Cẩm Chỉ theo như người dân quen gọi vì thời xưa chỗ này là nơi "cắm chỉ" không cho một ai đi tới khi đã có trồng thu không (vào lúc chiều tối). Năm 1964, phố Cẩm Chỉ được đổi thành ngõ Hàng Bông Lờ (vì ở phố Hàng Bông, đoạn từ ngõ Hội Vũ đến phố Cửa Nam là nơi bán dụng cụ đánh cá như lờ, đò, chum...), và hiện nay đổi tên thành ngõ Hàng Bông.

Phố Hàng Mụn của Hà Nội ở đâu? Vì sao lại có tên như vậy?

Phố Hàng Mụn ngày xưa tọa lạc trên vị trí mà nay chính là phố Hàng Bút. Ca dao về băm sáu phố phường có câu: "Hàng

Cân, Hàng Cót, Hàng Đồng / Hàng Mụn, Hàng Bát, Hàng Bông, Hàng Bài". Tên gọi Hàng Mụn bắt nguồn từ việc phố này vốn có những cửa hàng chuyên dùng các đầu vải, mụn vải để may thành mũ áo, yếm dãi trẻ em, đặc biệt là khâu những chùm "bùa tua bùa túi" cho trẻ em đeo trong dịp Tết Đoan ngọ mừng 5 tháng Năm Âm lịch. Thời Pháp thuộc, phố có tên là Côngbanerơ (Rue Combanere). Sau Cách mạng tháng Tám, phố được đổi tên thành Hàng Bút.

Dòng sông được nhắc tới trong một bài thơ rất nổi tiếng của Hoàng Cầm sáng tác trong thời kì chống Pháp là dòng sông nào? Nó còn có các tên gọi khác nào?



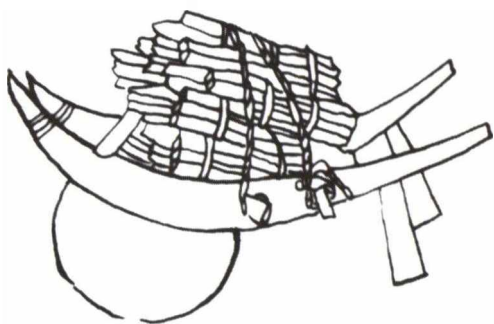
*"Em ơi buồn làm chi
Anh đưa em về sông Đuống
Ngày xưa cát trắng phẳng lì..."*

Đó là sông Đuống (tựa đề bài thơ: *Bên kia sông Đuống*). Sông Đuống là một phân lưu của sông Hồng, dài khoảng 65km, nối liền hai con sông lớn của miền Bắc là sông Hồng và sông Thái Bình.

Sông Đuống tách từ sông Hồng ở thôn Bắc Cầu, xã Ngọc Thụy (Gia Lâm) chảy về phía Đông, đến xã Yên Thường thì ngoặt về phía Đông Nam, qua các huyện Gia Lâm (Hà Nội) và Tiên Sơn, Thuận Thành, Gia Lương (Bắc Ninh), tiếp đó đổ vào sông Thái Bình ở Đại Than, gần Phả Lại.

Sông Đuống còn có các tên cổ là sông Thiên Đức, sông Đông Ngàn, sông Đức Giang. Đoạn chảy qua Thuận Thành còn gọi là sông Lạc Thổ, đoạn gần Phả Lại gọi là sông Đại Than.

Chợ Đồng Xuân có lịch sử như thế nào?



Chợ Đồng Xuân là một trong những chợ lớn nhất tại Hà Nội. Chợ nằm trong khu phố cổ vốn trước đây là khu đất trống thuộc phường Đồng Xuân, huyện Thọ Xương. Xưa kia, người dân họp chợ trên hai khu đất ở cạnh chùa Cầu Đông ở phố Hàng Đường và cạnh đền Bạch Mã ở phố Hàng Buồm vì hai khu đất đó gần bến sông, tiện cho thuyền đi lại.

Năm 1889, người Pháp quy hoạch lại, giải toả hai chợ trên và dồn tất cả hàng quán vào khu đất trống của phường Đồng Xuân, tạo thành chợ Đồng Xuân. Đến năm 1890, chính quyền Pháp bắt đầu xây dựng chợ

Đồng Xuân với năm vòm cửa và năm nhà dài 52m, cao 19m. Mặt tiền chợ được xây theo kiến trúc Pháp, gồm năm phần hình tam giác có trổ lỗ như tổ ong, lợp mái tôn.

Vào tháng 12 năm 1946, tại khu vực chợ Đồng Xuân đã diễn ra các trận chiến ác liệt giữa Vệ quốc quân chống lại lính Lê dương của Pháp, rất nhiều chiến sĩ Vệ quốc quân đã hi sinh tại đây trước khi rút khỏi Hà Nội. Vào khoảng năm 1990, chợ được xây dựng lại, phá bỏ hai dãy hai bên, ba dãy giữa được xây lên ba tầng. Hai tám cửa bên cũng bị dỡ nhưng vẫn còn giữ hai cột ngoài cùng. Năm 1994, chợ Đồng Xuân bị hoả hoạn, lửa thiêu trụi gần như toàn bộ các gian hàng trong chợ. Đây là vụ cháy chợ lớn nhất tại Hà Nội cho đến nay. Sau vụ cháy, chợ Đồng Xuân đã được xây dựng lại khang trang hơn.

Nhà thờ Lớn của Hà Nội ở đâu? Nhà thờ này có kiến trúc thế nào?

Nhà thờ Lớn Hà Nội là tên gọi thông dụng của Nhà thờ chính toà Hà Nội. Đây là một nhà thờ cổ được xây dựng trên khu đất vốn

là nền toà tháp Báo Thiên nổi tiếng của kinh thành Thăng Long thời Lý. Hiện nay, Nhà thờ Lớn nằm ở số 40 phố Nhà Chung, quận Hoàn Kiếm. Ban đầu nhà thờ này có tên là Nhà thờ Thánh Giuse (Saint Joseph).

Nhà thờ được thiết kế theo phong cách kiến trúc Gô-tích rất thịnh hành từ cuối thế kỉ 12 ở châu Âu, phỏng theo mẫu của Nhà thờ Đức Bà Paris với những mái vòm uốn cong, rộng, hướng lên bầu trời. Vật liệu xây dựng chính của nhà thờ là gạch đất nung, tường trát bằng giấy bồi. Nhà thờ dài 64,5m, rộng 20,5m và có hai tháp chuông cao 31,5m với những trụ đá to nặng ở bốn góc. Trên đỉnh nhà thờ là cây thánh giá bằng đá.

Phía sảnh trong có một cửa đi lớn, hai cửa nhỏ hai bên tháp. Toàn bộ các cửa ra vào và cửa sổ đều cuốn nhọn - đặc trưng của kiến trúc Gô-tích, kết hợp với những bức tranh Thánh bằng kính màu rất đẹp và hài hoà, tạo ra nguồn ánh sáng tự nhiên trong lòng nhà thờ. Khu cung thánh được trang trí theo nghệ thuật dân gian truyền thống, chạm trổ hoa văn bằng gỗ sơn son thếp vàng độc đáo tinh vi. Ở gian chính có tượng thánh Giuse bằng đất nung cao hơn 2m.

Trung tâm quảng trường phía trước nhà thờ có đài Đức Mẹ bằng kim loại, xung quanh nhà thờ có đường kiệu, bồn hoa, phía sau có hang đá.

Dòng tranh thờ nổi tiếng của Hà Nội xưa được làm chủ yếu ở phố nào?



Đó chính là tranh Hàng Trống, một trong những dòng tranh dân gian Việt Nam chủ yếu được làm tại các phố Hàng Nón và Hàng Trống của Hà Nội xưa. Hàng Trống trước thuộc đất của thôn Tự Pháp, tổng Tiêu Túc (sau đổi thành Thuận Mỹ), huyện Thọ Xương

(nay thuộc quận Hoàn Kiếm, Hà Nội). Phố Hàng Trống nằm kề các phố Hàng Nón, Hàng Hòm, Hàng Quạt,... là nơi chuyên sản xuất đồ thủ công mỹ nghệ, đặc biệt là đồ dùng cho việc thờ phụng như: tranh thờ, trống, quạt, lọng, cờ...

Cũng như các dòng tranh phổ biến khác, tranh Hàng Trống có hai loại chính là tranh thờ và tranh Tết, nhưng tranh thờ chiếm vị trí chủ đạo. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng dòng tranh Hàng Trống có lẽ xuất hiện từ khoảng 400 năm trước và chịu ảnh hưởng rõ rệt của các luồng tư tưởng, văn hoá, tôn giáo của các vùng miền, dân tộc. Đây cũng là kết quả của sự giao thoa tinh hoa giữa Phật giáo, Nho giáo; giữa loại hình tượng thờ, điêu khắc ở đình, chùa với những nét đẹp trong sinh hoạt văn hoá hằng ngày.

Dòng tranh Hàng Trống thực sự phát triển vào cuối thế kỉ 19, đầu thế kỉ 20, nhưng sau đó, dòng tranh này bắt đầu suy yếu, nhất là sau thời kì chiến tranh, hầu như các nhà làm tranh đều bỏ nghề, nhiều nhà còn đốt bỏ hết những dụng cụ làm tranh như ván, bản khắc. Sự suy tàn này xảy ra một phần do thú chơi tranh của người Hà Nội đã đổi khác, một phần do việc làm tranh không

đem lại thu nhập cao nên nhiều người buộc phải chuyển nghề.

Nơi trưng bày, lưu giữ về văn hoá của 54 dân tộc Việt Nam nằm ở đâu?

Đó chính là Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, trực thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Đây vừa là một cơ sở nghiên cứu khoa học, vừa là trung tâm văn hoá có các chức năng: nghiên cứu khoa học về các dân tộc ở Việt Nam; sưu tầm, phân loại, bảo quản, phục chế, trưng bày, giới thiệu những giá trị lịch sử - văn hoá của các dân tộc, đồng thời cung cấp tư liệu dân tộc học và đào tạo cán bộ cho các loại hình bảo tàng dân tộc học.

Bảo tàng có diện tích 3 ha, nằm trên đường Nguyễn Văn Huyền, quận Cầu Giấy, được khánh thành vào tháng 11-1997. Bảo tàng được chia thành hai khu vực chính: trong nhà và ngoài trời. Khu vực trong nhà bao gồm các khối: nhà trưng bày, cơ sở nghiên cứu, thư viện, hệ thống kho bảo quản, hệ thống các bộ phận kĩ thuật, hội trường... Khu ngoài trời đang tiếp tục hoàn

chính với hình mẫu nhà ở của các dân tộc khác nhau.

Có thể nói Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam với kho tàng gồm khoảng 10.000 hiện vật, gần 15.000 ảnh, hàng trăm băng hình và băng ghi âm, là một trung tâm trưng bày và lưu giữ quý giá về văn hoá của 54 dân tộc Việt Nam.

Chùa Tây Phương nằm ở đâu? Ngôi chùa này có điểm đặc sắc gì?

Chùa toạ lạc trên đỉnh núi Tây Phương, có hình cong như lưỡi câu (xưa gọi là núi Câu Lậu) cao chừng 50m, thuộc núi Ngưu Lân (núi Con Trâu), xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Từ chân núi theo con đường dốc dài khoảng 160m, leo lên 238 bậc lát đá ong thì đến Tam quan.

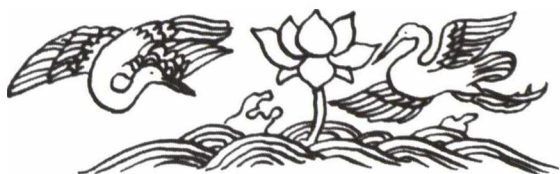
Chùa có ba nếp nhà song song hình chữ "Tam", thường gọi là chùa Thượng, chùa Trung, chùa Hạ hay chùa Hộ (thờ Hộ Pháp), thêm mỗi nếp nhà cách nhau 1,6m. Mỗi nếp nhà có hai tầng mái được xếp theo kiểu chồng diêm. Mái lợp gồm hai lớp ngói: lớp ngói trên in nổi hình lá đề, lớp ngói dưới

(lót) hình vuông, được sơn năm màu. Tường xây bằng gạch Bát Tràng nung đỏ để trần, có những cửa sổ hình tròn mang ý nghĩa sắc - không. Các cột gỗ đều kê trên tảng đá xanh khắc hình cánh sen.

Tượng thờ trong chùa chủ yếu được tạc bằng gỗ mít, trong đó nhiều pho là những tác phẩm điêu khắc xuất sắc của dân tộc ở các thế kỉ 17, 18, 19 như: tượng Tuyết Sơn, tượng Quan Âm Chuẩn Đề (thờ ở chùa Trung), tượng Bát bộ Kim Cương (thờ ở chùa Hộ), tượng 16 vị Tổ sư (thờ ở chùa Thượng). Chùa được đại trùng tu vào năm 1991 và 1995. Tây Phương là ngôi chùa nổi tiếng bậc nhất về kiến trúc và điêu khắc ở Việt Nam.

Chùa Một Cột được xây dựng vào thời gian nào?

Chùa Một Cột còn có tên gọi khác là chùa Diên Hựu hoặc Liên Hoa Đài. Chùa nằm trên đất của thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía tây hoàng thành Thăng Long thời Lý, nay thuộc phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội.



Chùa được xây dựng vào năm Kỷ Sửu (1049) đời vua Lý Thái Tông. Tương truyền vua Lý Thái Tông chiêm bao thấy Phật Quan Âm trên toà sen đưa tay dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua kể lại cho các quan nghe, có người cho là điềm không lành. Nhà sư Thiên Tuế khuyên nhà vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy trong mộng. Chùa xây xong, các nhà sư đến làm lễ, đi vòng quanh chùa niệm Phật cầu phúc cho vua, vì thế đặt tên là chùa Diên Hựu.

Nhưng theo văn bia dựng năm Cảnh Trị 3 do hoà thượng Tỳ Khưu Lê Tất Đạt ghi thì thấy rằng: tại vị trí chùa Một Cột ngày nay, vào thời Đường (năm Hàm Thống thứ nhất) một cột đá trên có ngôi lầu ngọc đã được dựng giữa một hồ nước vuông. Vua Lý Thái Tông thường đến đây cầu tự, sau được hoàng tử nối dõi, liền tu sửa lại

thành chùa, xây thêm một ngôi chùa nữa bên cạnh chùa Một Cột (cách 10m về phía Tây Nam) và đặt tên cả quần thể chùa này là Diên Hựu.

Năm 1954, trước khi rút khỏi Hà Nội, quân Pháp đã đặt mìn phá đổ chùa. Sau ngày tiếp quản thủ đô, Bộ Văn hoá (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) đã cho tu sửa chùa Một Cột theo đúng nguyên mẫu từ thời Nguyễn.

Chùa Keo nổi tiếng vì truyền thuyết gì?

Chùa Keo thờ Pháp Vân (Bà Keo) thuộc xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Tên cũ của chùa là Cổ Giao, thuộc huyện Long Biên, quận Giao Chỉ xưa. Làng Keo xưa có nghề truyền thống nấu keo da trâu và nghề làm sơn gỗ, đặc biệt là sơn son thếp vàng.

Truyền thuyết kể rằng xưa kia chùa Dâu ở đất Luy Lâu đã tạc xong bốn pho tượng Phật: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện nhưng còn việc tô tượng chưa xong. Nhiều thợ ở các nơi đến nhưng không làm được vì sơn cứ chảy tuột đi khi quét lên.

Đến lượt hiệp thợ Keo vào làm thì công việc mới được hoàn thành. Việc xong, hiệp thợ Keo thấy một khúc gỗ thừa khi tạc bốn pho tượng thì xin về. Bốn trảng đình đất Luy Lâu khiêng không nổi, nhưng hai người thợ làng Keo lại khiêng rất nhẹ nhàng về làng. Thấy chuyện lạ, làng quyết định tạc tượng và pho tượng Pháp Vân đã ra đời giống hệt pho ở chùa Dâu, nhưng kích thước nhỏ hơn. Chùa đã được trùng tu nhiều lần, mỗi lần đều được ghi rõ trên các bia.

Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu. Hiện nay, chỉ còn lại một số kiến trúc như: Tam quan, Toà thượng điện, điện Mẫu và nhà Tổ, đặc biệt là tượng Quan Âm Nghìn tay Nghìn mắt, là sản phẩm của thế kỷ 17. Ngoài ra chùa còn lưu giữ được tám bia thời Hoàng Định (1616). Chùa đã được xếp hạng Di tích lịch sử - văn hoá vào ngày 21-6-1993.

Đình Vĩnh Ninh thờ ai? Có kiến trúc gì đặc sắc?

Đình Vĩnh Ninh thuộc xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Đình thờ thành hoàng làng là nàng Tía, một nữ tướng của

Hai Bà Trưng đã có công đánh giặc cứu nước. Tòa đại đình gồm 7 gian với những hàng cột gỗ lim lực lưỡng kê trên đá tảng chạm hoa văn. Ở các đầu kẻ có tạc nổi hình con rồng tre, các bức cốn chạm cửa long tranh châu với nét chạm hết sức tinh xảo. Phía trước đại bái là toà phương đình làm kiểu chồng diêm 8 mái, các góc mái có đầu đao cong tạo nên nét mềm mại trong kiến trúc đình.

Đình Vĩnh Ninh còn giữ được bản thân tích kể về bà Tía "Đệ nhất nữ vương thần nữ", 23 sắc phong thần có niên đại từ đời Cảnh Hưng đến thời Duy Tân, nhiều hoành phi câu đối và hàng trăm đồ tế khí có giá trị. Hằng năm, hội đình Bà Tía diễn ra từ ngày mùng 8 đến mùng 10 tháng Hai. Buổi chiều mùng 8 có rước tả hữu nhập điện. Đám rước bên tả xuất phát từ bên ngoài - nơi thờ Xa Công và Thổ Địa. Đám rước bên hữu xuất phát từ gò Giá Ngự - nơi Bà Trưng gặp nàng Tía. Đô khiêng kiệu là những thôn nữ tuổi 18 hoặc 20, đầu vấn khăn nhung, áo dài nâu non, thắt lưng hoa lí. Đám rước đi đến đâu, chiêng trống vang lừng đến đấy. Tại các ngõ, dân làng bày bàn thờ bái vọng nơi

kiệu thánh đi qua. Khi hai đám rước tả, hữu về đến sân, theo hiệu lệnh, các đô cùng đưa kiệu thánh vào ngự trong đình. Sau đó, tại sân và hồ nước trước đình diễn ra các trò chơi như chọi gà, đấu vật...

Có phải hồ Bảy Mẫu rộng 7 mẫu nên mới có tên gọi như vậy không?

Hồ Bảy Mẫu nằm trong khuôn viên công viên Thống Nhất, thuộc phạm vi quận Hai Bà Trưng. Có người nói hồ rộng 7 mẫu nên mới có tên như vậy. Thực ra hồ này rộng tới 40 ha (tức trên 100 mẫu). Cũng có người lí giải rằng xưa kia trong hồ thờ bảy Bà Mẫu nên mới gọi như thế, cách nói này cũng chưa được xác minh rõ ràng. Năm 1960, hồ được khơi sâu, cải tạo cùng lúc với việc xây dựng công viên Thống Nhất và đã trở thành một hồ đẹp của Hà Nội. Hồ có hai hòn đảo: Đảo Thống Nhất là một vườn hoa có cầu nối với cổng phía đường Lê Duẩn; còn đảo Hoà Bình, gần bờ phía Đông, là nơi mát mẻ tĩnh mịch dành cho khách muốn nghỉ ngơi.

Sân vận động hiện đại và lớn nhất Hà Nội là sân vận động nào? Ở đâu? Có đặc điểm gì?

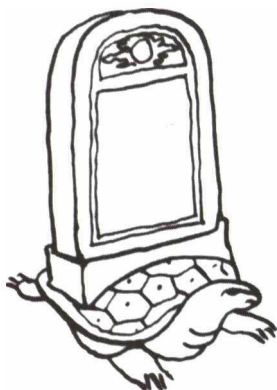
Đó là Sân vận động Quốc gia Mĩ Đình, nằm trên đường Lê Đức Thọ (xã Mĩ Đình, huyện Từ Liêm). Với tổng diện tích khu vực (gồm một sân chính, hai sân tập) 17,5 ha, sân vận động này có sức chứa lớn thứ nhì Việt Nam (sau sân vận động Cần Thơ, có thể chứa 50.000 người) và là trung tâm của Liên hợp Thể thao Quốc gia Việt Nam. Đây là một sân vận động đa chức năng: sân bóng đá có kích thước 120m x 90m, kết hợp thi đấu điền kinh với 8 đường chạy vòng 400m và 10 đường chạy thẳng 110m, 2 sân nhảy cao, 2 sân ném tạ, ném lao, ném tạ xích, 2 khu nhảy sào kép, 2 khu nhảy xa kép.

Sân có 4 khán đài: khán đài phía tây và phía đông có 2 tầng, cao 25,8m; khán đài phía bắc và phía nam 1 tầng, cao 8,4m. Xung quanh có 419 phòng chức năng. Sức chứa của sân là 40.192 chỗ ngồi (450 ghế VIP, 160 ghế dành cho báo chí). Sân vận động Mĩ Đình chính thức đi vào hoạt động ngày 2-9-2003 với trận đấu giữa đội U23

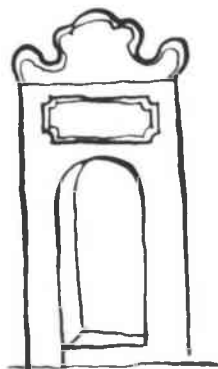
Việt Nam với CLB Thần Hoa Thượng Hải. Đây là sân vận động chính tổ chức các hoạt động của Đại hội Thể thao Đông Nam Á 2003 (SEA Games 23) với lễ khai mạc, lễ bế mạc, các trận thi đấu bóng đá nam và các cuộc tranh tài trong môn điền kinh. Sân vận động Mỹ Đình còn là nơi diễn ra lễ khai mạc và bế mạc Đại hội thể thao châu Á trong nhà lần 3 (Asian Indoor Games III) từ ngày 30-10-2009 đến 8-11-2009.

THĂNG LONG

NHÂN KIỆT



Có phải trong truyền thuyết, trước cả Thánh Gióng, ở Hà Nội đã từng có một người anh hùng chống giặc Ân được lập đền thờ còn đến tận ngày nay?



Người đó là nhân vật truyền thuyết Lý Tiến. Ông là người trại Tiên Ngư (tức Cá Tươi, nơi tập trung các hàng bán cá xưa kia và là khu vực Hàng Cá bây giờ). Lý Tiến làm quan võ dưới thời Hùng Vương thứ sáu. Ông

đi đánh giặc Ân ở vùng Vũ Ninh, bị trọng thương nhưng vẫn gắng gượng về tới quê nhà mới chịu ngã xuống. Nhân dân đã chôn Lý Tiến trên nền ngôi nhà của ông, sau đó lập đền thờ ngay bên ngôi mộ ông. Sau khi Lý Tiến mất, Hùng Vương nằm mộng thấy một cụ già khuyên nên cho sứ giả đi rao trong dân gian tìm người tài giỏi đánh giặc cứu nước. Vua nghe theo và đã vờ được vị anh hùng Thánh Gióng. Đền thờ Lý Tiến ngày nay chính là ngôi đền Đồng Thuận (thực ra đây chỉ là hậu cung còn sót lại của đình thôn Đồng Thuận xưa sau khi Pháp mở đường phố mới ở Hà Nội, tức là trước năm 1889) ở số 27 phố Hàng Cá. Ngoài ra, Lý Tiến còn được thờ ở đình Ngũ Giáp, số 54 phố Hàng Cót.

Ai là người đã sáng tác ra “Long ngâm khúc”, một lối hát văn trong ca nhạc cổ?

Người đó là Trịnh Trọng Tử. Ông giữ chức Chi hậu chánh chương thời vua Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông, được vua Trần gọi là “con nhà trời” vì có nhiều tài “trí xảo”, biết khéo léo thu xếp những công việc

khó khăn, nhiều khúc mắc. Tương truyền, khi Phật hoàng Trần Nhân Tông băng ở am Ngoạ Vân trên núi Yên Tử, sau khi hoả táng, triều đình đã mang xá li⁽¹⁾ của Phật hoàng về quàn tạm⁽²⁾ ở điện Diên Hiền, kinh thành Thăng Long. Bấy giờ cả quan lại lẫn dân chúng đã đổ dồn về cửa cung để xem rất đông. Tể tướng cầm roi xua đuổi cũng không thể giãn được mọi người. Vua Anh Tông liền bảo Trịnh Trọng Tử: *"Linh cứu sắp phát dân⁽³⁾ mà dân chúng đầy nghẽn như thế này thì làm thế nào?"*. Trịnh Trọng Tử lập tức cho quân ra ngồi ở thềm hát mấy câu *Long ngâm khúc*. Dân chúng lấy làm lạ, xúm lại xem. Thế là cung điện giãn bớt người, nhờ đó mà rước được linh cứu ra. *Long ngâm khúc* là bài hát do Trịnh Trọng Tử đặt ra theo lời hát vãn, giọng bi ai, nghe rất cảm động. Về sau, dân gian đã bắt chước lời hát này để dùng trong nhạc tang lễ và cả trong hát chèo, hát bội.

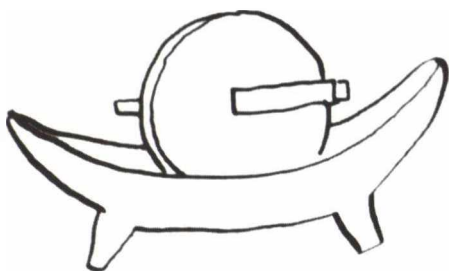
(1) Thi thể sau khi hỏa táng hoặc thân cốt sau khi chết của các vị cao tăng Phật giáo.

(2) Đặt linh cứu ở một chỗ đợi táng.

(3) Đưa đi.

Đời Trần, có một danh y ở Thăng Long là tấm gương tiêu biểu cho đạo đức cao đẹp “lương y như từ mẫu”. Có lần, vì cứu thường dân trong cơn nguy kịch mà ông đã từ chối thăm bệnh cho một quý phi. Xong việc, ông mới vào tạ tội với vua. Hiểu rõ sự tình vua đã vui vẻ phán rằng “Nhà ngươi thật là lương y, đã giỏi nghề lại có lòng nhân, cứu giúp cho con đồ của ta, thật xứng đáng với sự mong đợi của ta”. Đó là ai?

Đó là lương y Phạm Bân (ông ngoại của Hồ Quý Ly). Ông giữ chức Phán thái y lệnh - một chức quan ngự y dưới triều vua Trần Anh Tông. Ông thường dùng tiền riêng của mình mua và trữ các loại thuốc, thóc gạo để tiện cứu người. Ông còn cho xây dựng nhiều nhà cửa để cho những người bệnh nghèo khổ đến chữa bệnh và ăn ở. Nhà ông lúc nào cũng đông người bệnh lui tới. Dù là ai ông cũng chăm sóc, chữa trị rất chu đáo. Thời kì có dịch bệnh hoành hành, ông đã cứu sống hàng ngàn người. Tương truyền một hôm có người đến cầu cứu ông đi chữa cho một



phụ nữ bị băng huyết rất nguy kịch. Ông ra đến cửa thì gặp quan hầu của vua triều ông vào cung thăm bệnh cho một quý phi bị sốt rét. Ông Bân đã từ chối viên quan để đi cứu người bị băng huyết trước rồi mới vào cung. Sứ giả trách, ông đáp rằng: *"Tôi biết như vậy là đắc tội với vua. Nhưng nếu tôi không tới ngay thì người đàn bà kia sẽ chết, không còn cứu được nữa"*. Sau khi cứu sống bệnh nhân kia, ông Bân vào triều chịu tội. Nghe ông bày tỏ sự tình, vua đã khen ngợi ông.

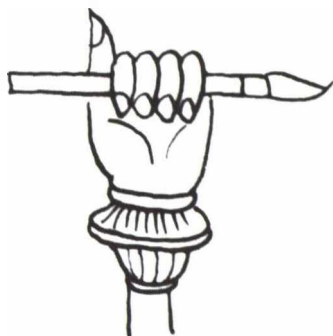
Nàng công chúa Thăng Long đã đem lại ngàn dặm đất đai cho Tổ quốc là ai?

Đó chính là Huyền Trân công chúa, con gái vua Trần Nhân Tông (1258-1308). Vào năm 1293, vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho hoàng thái tử Trần Thuyên. Trần Thuyên lên nối ngôi, lấy hiệu là Trần Anh Tông. Vua Trần Nhân Tông trở thành Thái thượng hoàng, lên tu ở núi Yên Tử. Năm 1301, Thái thượng hoàng Trần Nhân Tông nhận lời mời đến Chiêm Thành du ngoạn. Vua Chiêm Thành là Chế Mân đã tiếp đãi ông rất nồng hậu. Trong dịp này, ông đã hứa gả con gái cho vua Chiêm. Mặc dù triều đình nhà Trần và anh ruột của công chúa Huyền Trân là vua Trần Anh Tông muốn vua cha hủy bỏ lời hứa đó nhưng Trần Nhân Tông không đồng ý. Năm 1306, Huyền Trân rời kinh thành sang Chiêm. Đổi lại, vua Chiêm đã cắt hai châu Ô, Lý làm lễ vật với nhà Trần (Ô, Lý là khu vực Quảng Trị, Thừa Thiên Huế ngày nay). Sự hi sinh cao cả của công chúa Huyền Trân đã mang lại ngàn dặm đất đai cho Tổ quốc.

Vị tướng nào của Thăng Long khi bị sa vào tay giặc đã khẳng khái đáp: “Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”?

Đó là danh tướng Trần Bình Trọng thời nhà Trần. Khi quân Nguyên Mông xâm lược nước ta lần hai vào năm 1285, trước sức tấn công ồ ạt của địch, triều đình nhà Trần tạm thời phải rút khỏi kinh thành. Trần Bình Trọng đã giáp chiến với quân Nguyên trên bãi Thiên Mạc (bãi Màn Trò, huyện Khoái Châu, Hưng Yên ngày nay). Vì lực lượng quá chênh lệch, ông bị giặc bắt. Tướng giặc là Thoát Hoan muốn dụ hàng ông đã mở tiệc thết đãi nhưng ông cự tuyệt. Cuối cùng Thoát Hoan hỏi ông: *“Muốn làm vương đất Bắc không?”*. Trần Bình Trọng quát to: *“Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc”*. Không thể khuất phục được Trần Bình Trọng, quân giặc đã giết ông. Tấm gương của ông luôn sáng chói trong lịch sử yêu nước của dân tộc Việt Nam, còn câu nói đã trở thành một trong những tuyên bố nổi tiếng nhất trong lịch sử chống ngoại xâm.

Người đã thảo bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ hai của dân tộc ta là ai?

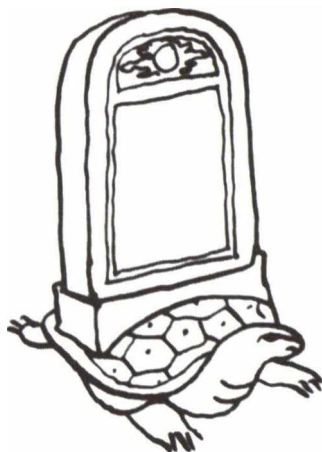


Đó là Nguyễn Trãi (1380-1442), hiệu Úc Trai, một đại thần thời Hậu Lê và cũng là một nhà văn hoá vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ông sinh ra ở huyện Thường Tín, nay thuộc Hà Nội. Năm 1407, quân Minh xâm lược nước ta, cha con Hồ Quý Ly và một số triều thần, trong đó có cha của Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh bị bắt đưa sang Trung Quốc. Ông đi theo hầu cha nhưng đến ải Nam Quan thì Nguyễn Phi Khanh khuyên con quay về giúp nước. Nguyễn Trãi đã bị giam lỏng ở thành Đông Quan (tức Hà Nội ngày nay) trong khoảng 10 năm. Đến chừng

năm 1415 ông mới trốn thoát và tìm tới núi Lam Sơn (Thanh Hoá) yết kiến Bình Định Vương Lê Lợi, bấy giờ là thủ lĩnh nghĩa quân Lam Sơn. Từ đó ông đem hết tài năng ra giúp Lê Lợi cứu nước, cứu dân. Năm 1427, sau khi đánh đuổi được quân Minh, ông đã thay Lê Lợi thảo *Bình Ngô Đại Cáo*. Bài cáo này được coi như bản Tuyên ngôn Độc lập lần thứ hai của dân tộc ta (*Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt được coi là "bản Tuyên ngôn Độc lập" đầu tiên).

Một nhà giáo nổi tiếng đã dâng "Thất trảm sớ" đòi chém đầu 7 tên nịnh thần dưới thời vua Trần Dụ Tông là ai?

Người thầy giáo đó chính là Chu Văn An (1292-1370). Ông là người thôn Quang Liệt (xã Thanh Liệt), huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông đỗ thái học sinh đời Trần Anh Tông (1293-1314) nhưng không làm quan mà ở nhà dạy học. Ông có nhiều học trò nổi tiếng như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... Đến đời Trần Minh Tông (1314-1329), ông được vời làm Tư nghiệp trường Quốc Tử Giám. Sang đời vua Trần Dụ Tông (1341-1369),



bọn quyền thần làm nhiều điều vô đạo, ông dâng sớ xin vua cho chém đầu 7 tên nịnh thần. Vua không nghe, ông từ quan về ở ẩn tại núi Phượng Hoàng, xã Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương cho đến khi mất. Chu Văn An được thờ trong Văn Miếu. Sĩ phu các đời sau đều xem ông như một người thầy đạo cao đức trọng, gương sáng cho nghìn đời và suy tôn ông là "Vạn thế sư biểu" (người thầy của muôn đời). Sự nghiệp của ông được ghi lại trong văn bia ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Bộ hợp tuyển đầu tiên tập hợp những bài thơ của người Việt Nam sáng tác bằng chữ Hán trong những đời Trần, Hồ và Lê sơ tên là gì? Do ai biên soạn?

Đó chính là *Việt âm thi tập* do Phan Phu Tiên biên soạn từ năm 1433 nhưng chưa thể khắc ván in sách, đến năm 1459, thị ngự sử Chu Xa bổ sung thêm, Lý Tử Tấn hiệu đính, dâng lên vua Lê Nhân Tông, và cuốn thơ được phép in vào năm đó. Hiện nay người ta vẫn còn chưa rõ năm sinh cũng như năm mất của Phan Phu Tiên, chỉ biết ông là người làng Đông Ngạc (tên nôm là làng Vẽ hay Kẻ Vẽ), huyện Từ Liêm, Hà Nội. Ông đỗ thái học sinh (tiến sĩ) năm 1396 đời vua Trần Thuận Tông. Ông đã tham gia dạy học ở Quốc Tử Giám, coi viện Quốc sử, soạn sách *Đại Việt sử kí biên lục* chép từ đời Trần Thái Tông (1225) đến năm Lê Thái Tổ đánh đuổi được giặc Minh (1427), tức là nối tiếp bộ *Đại Việt sử kí* do Lê Văn Hưu soạn từ đời Trần. Bộ *Việt âm thi tập* là một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông (gọi là Việt âm vì là thơ chữ Hán đọc theo âm tiếng Việt).

Trong kho tàng cổ tích Việt Nam có truyện kể về người học trò thông minh, chăm chỉ nhưng vì nhà nghèo không có tiền mua đèn nến nên đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng để thay đèn học thâu đêm và đã đỗ đạt cao. Một người con của làng quê Hà Nội xưa, tác giả bài “Quảng Văn Đình kí” cũng là một học trò như vậy. Ông là ai?

Ông là Bùi Xương Trạch (1451-1529), quê gốc ở làng Định Công Hạ, nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội. Tương truyền, vì nhà nghèo không có tiền mua nến thấp sáng nên Bùi Xương Trạch đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng rỗng thay đèn để đêm đêm miệt mài đọc sách. Năm 1478, ông thi đỗ tiến sĩ, làm quan ở Hàn lâm viện. Ông đã từng đi sứ nhà Minh, theo vua Lê Thánh Tông hành quân vào Nam, là Tế tửu Quốc Tử Giám và cuối cùng là Thượng thư bộ Binh. Năm 1493, vua Lê Thánh Tông cho dựng một ngôi đình ở ngoài cửa Đại Hưng (khoảng ngã năm Cửa Nam ngày nay) làm nơi niêm yết các chính lệnh và đặt tên là Quảng Văn Đình. Vua ủy cho Bùi Xương

Trạch soạn bài kí khắc vào bia đặt ở đây. Cho đến nay, bài *Quảng Văn Đình kí* của ông vẫn được những nhà nghiên cứu Hà Nội nhắc tới bởi nội dung của nó ngoài việc mô tả vị trí, hình dáng của ngôi đình còn nhấn mạnh ý nghĩa việc phổ biến các chính lệnh (thông tin về hành chính, pháp luật, thiết chế, xã hội...) nhằm giúp cho nhân dân hiểu biết kịp thời những chủ trương, chính sách đương thời.

Vị sứ giả đã nhắc vua Minh nhớ đến chiến công của người Việt bằng câu đối “Đăng Giang tự cổ huyết do hồng” là ai?

Đó là Giang Văn Minh (1582-1639). Ông là người làng Mông Phụ, nay thuộc xã



Đường Lâm, thị xã Sơn Tây. Ông đỗ Thám hoa năm 1628, làm một số chức quan trong triều. Năm 1637, ông đi sứ nhà Minh với chủ đích đấu tranh bỏ lệ cống nạp người bằng vàng. Bằng nhiều lí lẽ kiên quyết và mềm dẻo, ông đã thành công. Tuy vậy, vua Minh muốn thị uy sứ đoàn nên đã ra một vế đối rất ngạo mạn: "*Đông trụ chí kim đài dĩ lục*" ("Cột đồng đến nay râu đã xanh", có ý muốn nhắc đến việc Mã Viện dựng cột đồng để đánh dấu địa giới nhà Hán, đe dọa dân ta từ trước Công nguyên). Giang Văn Minh đã khảng khái đối lại: "*Đằng Giang tự cổ huyết do hồng*" (Ý nhắc lại sông Bạch Đằng ba lần đã nhuộm máu quân Nam Hán, quân Tống và quân Nguyên). Vế đối danh thếp, đầy khí phách và tự hào dân tộc khiến vua Minh tức giận và ra lệnh giết ông. Về sau, thi hài ông được đưa về Thăng Long. Triều đình chuyển linh cữu ông về quê, đặt tại quán Đồng Dưa, gần khu đền Và. Vua Lê Thần Tông và Chúa Trịnh Tráng đích thân đến làm lễ quốc táng. Trong lời diếu ông, vua Thần Tông than rằng: "*Sứ bất nhục quân lệnh, khả vi thiên cổ anh hùng*" (Đi sứ không nhục lệnh vua, xứng đáng anh hùng muôn đời).

Ở làng Đại Mỗ huyện Từ Liêm, Hà Nội xưa kia có một vị Thám hoa làm quan đến chức Thượng thư, Tham tụng, tước Liêm quốc công và từng đi sứ nhà Thanh. Người đó là ai?

Người đó là Nguyễn Quý Đức (1648-1720), quê ở làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm. Ông đậu Thám hoa, làm quan đến chức Thượng thư, Tham tụng, tước Liêm quốc công và từng đi sứ Thanh. Ông cùng với Lê Hy biên soạn tiếp bộ *Đại Việt sử kí tục biên* từ đời Lê Huyền Tông đến đời Lê Gia Tông, có công tu tạo Văn Miếu - Quốc Tử Giám và chủ trì việc soạn và dựng hàng chục tấm bia tiến sĩ ở đây. Ông cũng là tác giả tập thơ nổi tiếng như *Thi châu tập*, *Hoa trình thi tập*... Sau khi mất, ông được vua phong là Thái Tổ Đại Vương. Con trai ông - Hoàng giáp Nguyễn Quý Ân (1673-1722) và cháu nội của ông là Nguyễn Quý Kính (1693-1766) cũng là những bậc hiền sĩ có công lo cho dân, cho nước nên sau khi mất cũng đều được phong là Đại Vương. Dân làng Đại Mỗ đã lập đền thờ cả ba cha con ông, cháu ông. Đó chính là Tam đại vương từ (đền thờ ba vị đại vương) ở Đại Mỗ.

Nửa cuối thế kỉ 18 và đầu thế kỉ 19, có một vị tú tài sống ở phường Hà Khẩu của thành Thăng Long đã viết rất nhiều loại sách, trong đó có hai tập truyện và kí sự ghi lại những điều mắt thấy, tai nghe vào thời Lê mạt cùng khá nhiều tài liệu về đất nước và con người Thăng Long thời kì này. Đó là ai?

Người được nhắc tới chính là Phạm Đình Hổ (1768-1839), còn được biết đến với cái tên Chiêu Hổ. Ông quê gốc ở làng Đan Loan, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nhưng phần lớn thời gian sống ở Thăng Long, tại phường Hà Khẩu (nay thuộc khu vực phố Hàng Buồm). Tuy chỉ đỗ tú tài nhưng Phạm Đình Hổ là một người học rộng, biết nhiều. Năm 1826, ông được triệu vào Huế, bổ làm việc ở toà Hàn Lâm, sau làm đến Tế tửu Quốc Tử Giám (tức người đứng đầu Quốc Tử Giám). Phạm Đình Hổ viết nhiều loại sách thuộc các thể loại khác nhau như pháp chế, lịch sử, địa lí, văn học... Hai tác phẩm được nhiều người biết tới là *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* (cùng soạn với Nguyễn Án). Đó là những tập truyện và kí

sự ghi lại những điều mắt thấy tai nghe vào thời Lê mạt, là một nguồn tư liệu phong phú về vùng đất và con người Thăng Long thời kì đó.

Vào thế kỉ 18, có một người vốn là cháu ngoại của chúa Trịnh Cương và được nuôi dưỡng trong phủ chúa từ thời thơ bé nhưng lại viết nên một tác phẩm văn học phản ánh nỗi đau khổ của tầng lớp cung phi, tố cáo chế độ phong kiến chà đạp lên quyền sống của người phụ nữ. Người đó là ai?

Đó chính là Nguyễn Gia Thiều (1741-1798), người làng Liễu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Ông là con của một quan võ cao cấp và mẹ là quận chúa - con gái chúa Trịnh Cương. Vì là cháu ngoại của chúa Trịnh nên từ nhỏ ông đã được nuôi dưỡng trong phủ chúa. Năm 19 tuổi, ông được bổ làm một chức quan võ rồi dần dần làm tới chức Trấn thủ Hưng Hoá, tước phong Ôn Như Hầu. Tuy nhiên, ông không hứng thú với việc làm quan mà

hay bỏ nhiệm sở về nhà riêng bên bờ Hồ Tây để vui chơi, uống rượu, làm thơ, cùng bạn bè bàn luận về triết học. Thời Tây Sơn, vua Quang Trung trọng người tài, muốn thu dụng ông nhưng ông đã cáo bệnh. Ông qua đời tại Thăng Long, mộ nằm ven Hồ Tây, sau con cháu mới bốc về Liễu Ngạn. Cuộc đời gắn bó với Thăng Long, sống ở kinh đô, ra vào nơi thềm vàng điện ngọc đã giúp ông thấu hiểu hoàn cảnh, tâm tư của những cung nữ mỗi mòn trong nhà ngục bằng những lụa để viết nên *Cung oán ngâm khúc* gồm 356 câu thơ song thất lục bát. Ngoài ra, Nguyễn Gia Thiều còn là tác giả của một số bài thơ chữ Hán và chữ Nôm khác.

Thời Tây Sơn, khi quân Thanh ồ ạt kéo sang, có một danh sĩ Bắc Hà đã sáng suốt đề ra chủ trương tạm rút khỏi Thăng Long, lui về giữ Tam Điệp “cho chúng ngủ trọ một đêm rồi lại đuổi chúng đi”. Người đó là ai?

Người đó là Ngô Thì Nhậm. Ông là người làng Tả Thanh Oai (làng Tó), nay thuộc Thanh Trì, Hà Nội. Ngô Thì Nhậm đỗ tiến



sĩ năm 30 tuổi, được bổ làm quan ở bộ Hộ dưới thời Lê - Trịnh, sau ông bị nghi ngờ là người tổ giác Trịnh Khải (con trai cả của chúa Trịnh Sâm) nên đành lánh về vùng Sơn Nam. Khi Quang Trung ra Bắc, Ngô Thì Nhậm được trọng dụng. Ông đã đem hết nhiệt tình và tâm huyết ra phục vụ triều đại mới. Năm 1788, quân Thanh ồ ạt kéo sang nước ta, Ngô Thì Nhậm đã nghĩ ra "nước cờ Tam Diệp". Quả nhiên đó là một chủ trương đúng đắn, được vua Quang Trung khen ngợi, góp phần vào chiến thắng đại phá 20 vạn quân Thanh sau đó. Ngoài tài năng về chiến lược quân sự, Ngô Thì Nhậm còn là

một nhà tư tưởng, nhà chính trị, nhà ngoại giao xuất chúng. Sau khi đại thắng, Quang Trung chủ trương hoà hiếu với nhà Thanh để nhân dân đỡ khổ. Mọi giấy tờ giao thiệp với nhà Thanh của triều Tây Sơn đều do một tay Ngô Thì Nhậm soạn thảo. Ông còn được cử làm Chánh sứ trong phái bộ sang Trung Hoa và được nhà Thanh rất mực coi trọng. Ngoài ra, Ngô Thì Nhậm còn sáng tác khá nhiều tác phẩm thuộc đủ các thể loại như văn học, sử học, triết học, địa phương chí, ngôn ngữ học.

**Có một nhà giáo đã biên soạn bộ sách
Hà Nội địa dư - cuốn sách địa lí đầu tiên
của Hà Nội. Người đó là ai?**

Người thầy đó tên là Dương Bá Cung, hiệu Cẩn Đình (1795-1868). Ông là người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Nội (cùng quê với Nguyễn Trãi). Suốt đời ông chỉ làm nghề dạy học. Ông đã biên soạn *Hà Nội địa dư* - được xem là bộ sách đầu tiên về địa lí Hà Nội kể từ khi có tỉnh này (vào năm 1831, vua Minh Mạng đã tiến hành

cải cách hành chính, lập ra 15 tỉnh trực thuộc Trung ương, trong đó có Hà Nội, lúc này không còn giữ vị trí kinh đô mà chỉ là một đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương). *Hà Nội địa dư* ghi chép khá toàn diện tình hình địa lí của tỉnh Hà Nội lúc bấy giờ như: địa hình, núi sông, khí hậu, ranh giới, phân chia hành chính, phong tục tập quán, miếu đền, di tích, thành trì, sản vật nông lâm, thơ văn đề vịnh... Đây là tập sách quý, đến nay vẫn còn giúp nhiều cho việc nghiên cứu Hà Nội.

Người soạn ra bộ *Bách khoa thư* đầu tiên của Việt Nam là ai?

Người đó chính là Phan Huy Chú (1782-1840). Ông là người làng Thụy Khuê, huyện Yên Sơn, tỉnh Sơn Tây (tức làng Thầy, huyện Quốc Oai ngày nay). Ông nổi tiếng hay chữ nhưng hai lần đi thi chỉ đỗ sinh đồ (tú tài) nên Phan Huy Chú ở nhà dạy học và soạn sách. Ông cũng được vua Minh Mạng bổ làm biên tu ở Quốc Tử Giám (1821), đi sứ Thanh (1824) và đi công cán sang Batavia (tên của

thành phố Jakarta khi còn là thuộc địa của Hà Lan), thuộc Indonesia (1832). Về sau, ông vin cớ đau yếu, xin từ chức về sống ở quê nhà. Ông soạn nhiều sách có giá trị, nổi tiếng nhất là pho *Lịch triều hiến chương loại chí*, gồm 49 quyển chia ra 10 phần, soạn trong 10 năm (từ 1809 đến 1819). Bộ sách này thu tóm được tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, lịch sử, địa lí... nước ta từ đời Lê trở về trước. Công trình này gồm 10 chí tức là 10 quyển ghi chép 10 bộ môn khác nhau như *Dư địa chí*, *Nhân vật chí*, *Quan chức chí*, *Lễ nghi chí*, *Quốc dụng chí*... Mười chí là mười lĩnh vực khoa học riêng, có quan hệ với nhau và đều là những vấn đề thiết yếu của đất nước thời bấy giờ. Nói theo ngày nay thì Phan Huy Chú là nhà địa lí học, nhà sử học, luật học, kinh tế học, giáo dục học, thư tịch học, văn hoá học... Ở lĩnh vực nào ông cũng tỏ ra vô cùng uyên bác. Phan Huy Chú là một nhân tài lớn của văn hoá Việt Nam.

Đầu thế kỉ 20, có một người Hà Nội thi Hương đỗ Cử nhân nhưng không ra làm quan mà hường ứng các phong trào Duy

Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục rồi làm báo và trở thành một nhà văn, dịch giả, nhà nghiên cứu văn học nổi tiếng. Ông cũng là một trong những người đầu tiên viết sách về lí luận văn học và phong tục bằng chữ quốc ngữ. Đó là ai?

Đó chính là Phan Kế Bính (1875-1921). Ông sinh tại làng Thụy Khuê nay là phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ. Ông đỗ Cử nhân năm 1906 nhưng không ra làm quan mà hưởng ứng phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Ông tham gia làm các báo *Đăng cổ tùng báo*, *Đông Dương tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*. Ông cũng là tác giả nhiều sách văn sử như *Nam Hải dị nhân*, *Hung Đạo Đại Vương*... Đặc biệt hai bộ *Việt Nam phong tục* và *Việt Hán văn khảo* có giá trị lớn, tới nay vẫn được nhiều nhà nghiên cứu tham khảo, trích dẫn. Ông còn có đóng góp đặc biệt cho sự phát triển của ngôn ngữ tiếng Việt. Chính ông là một trong những người đầu tiên chứng tỏ sức biểu hiện sinh động của chữ Quốc ngữ trong các lĩnh vực khoa học, báo chí, nghệ thuật.

Nửa đầu thế kỉ 20, trên văn đàn xuất hiện một thi sĩ văn phong lãng mạn và đậm đà tính dân tộc, có bút danh được ghép lại từ tên ngọn núi và dòng sông quê hương yêu dấu của ông. Thi sĩ đó là ai?

Thi sĩ đó chính là Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939), bút danh Tản Đà, quê ở làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt (nay là Ba Vì, Hà Nội). Ông là một nhà thơ, nhà văn và nhà viết kịch nổi tiếng của Việt Nam. Xuất thân vốn là nhà nho nhưng ông bỏ khoa cử, học chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp rồi đi theo con đường làm báo, viết văn. Ông viết rất nhiều thể loại như: truyện, tuồng, triết lí... nhưng nổi danh nhất ở lĩnh vực thi ca. Ba tập thơ *Khối tình con* của ông được các độc giả đương thời hoan nghênh nhiệt liệt. Dù mang màu sắc lãng, thoát li nhưng thơ của Tản Đà vẫn nặng một tấm lòng yêu nước, yêu dân. Dưới ngòi bút của ông, nghệ thuật ngôn từ được thể hiện rất điêu luyện, đậm đà bản sắc dân tộc. Bút danh của ông được ghép lại từ tên núi Tản Viên và dòng sông Đà hùng vĩ, những địa danh nổi tiếng ở quê hương ông.

Đầu thế kỉ 20, có một luật sư yêu nước người Hà Nội mở văn phòng luật tại Paris (Pháp) và tích cực tham gia các hoạt động chính trị. Ông là một trong những nhân vật quan trọng của nhóm những người Việt yêu nước tại Pháp và có quan hệ gắn bó với Nguyễn Ái Quốc. Vị luật sư này là ai?

Vị luật sư được nhắc đến chính là Phan Văn Trường. Ông là người làng Đông Ngạc (làng Vẽ), huyện Từ Liêm, Hà Nội, xuất thân trong một gia đình nho học. Phan Văn Trường học trường Thông ngôn Hà Nội, làm việc ở văn phòng phủ Thống sứ, sau đó sang Pháp dạy ở trường Viễn Đông Bác cổ. Thời gian này ông học thêm và đỗ cử nhân Luật. Năm 1914, Phan Văn Trường được động viên vào quân đội Pháp nhưng do những hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều, ông đã bị bắt và bị bỏ tù cùng nhà yêu nước Phan Chu Trinh. Năm 1917, sau khi ra tù, Phan Văn Trường bị huy động vào quân đội Pháp cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Năm 1919, Phan Văn Trường

nhận bằng tiến sĩ Luật và mở văn phòng luật sư tại Paris. Chính thời gian này, ông trở thành một trong những nhân vật quan trọng của nhóm những người Việt yêu nước tại Pháp và có quan hệ gắn bó với Nguyễn Ái Quốc. Năm 1923, ông trở về nước, ở tại Sài Gòn, cùng với Nguyễn An Ninh tham gia tích cực vào các hoạt động của phong trào vận động dân chủ chống những chính sách phản động của chính quyền thực dân, đặc biệt là xuất bản hai tờ báo *La Cloche Fêlée* và *L'Annam* bằng tiếng Pháp. Ông qua đời vào 23-4-1933 tại Hà Nội.

Trước Cách mạng tháng Tám, tại trường Đại học Y Hà Nội có duy nhất một giáo sư người Việt tham gia giảng dạy. Đó là vị giáo sư nào?

Người được nhắc tới chính là giáo sư Hồ Đắc Di (1900-1984). Ông quê ở Thừa Thiên - Huế, là một bác sĩ và cũng là nhà trí thức lớn. Ông là người Việt Nam đầu tiên được chính quyền thực dân Pháp cho phép làm bác sĩ phẫu thuật vì lúc bấy giờ chỉ có các bác sĩ người Pháp mới có quyền này. Năm

1943, ông là bác sĩ Việt Nam đầu tiên được phong hàm giáo sư dạy tại trường Đại học Y - Dược Hà Nội (khi đó, bác sĩ người Việt giảng dạy tại đây chỉ được trao học hàm phụ giáo hoặc trợ giảng chứ chưa ai được phong hàm giáo sư). Sau Cách mạng tháng Tám, Hồ Đắc Di được cử làm hiệu trưởng đầu tiên của trường Đại học Y - Dược nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ông giữ chức vụ này đến năm 1973 mới nghỉ hưu. Hồ Đắc Di không những là một thầy thuốc giỏi mà còn là một nhà sư phạm lớn, người đã đào tạo nhiều thế hệ bác sĩ cho đất nước. Ông viết nhiều công trình nghiên cứu chuyên môn, sách giáo khoa y học và đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học. Ông mất ngày 25-6-1984.

Vị Bộ trưởng Bộ Cứu tế Xã hội đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã hi sinh trong kháng chiến chống thực dân Pháp là ai?

Vị bộ trưởng - liệt sĩ đó chính là học giả Nguyễn Văn Tố (1889-1947). Ông sinh ra

trong một gia đình nhà nho tại làng Đông Thành, huyện Thọ Xương cũ, nay là phố Bát Sứ, Hà Nội. Thời Pháp thuộc, ông làm việc tại trường Viễn Đông Bác cổ - cơ quan nghiên cứu lịch sử, văn hoá của người Pháp. Năm 1938, ông cùng một số trí thức lập ra Hội Truyền bá Quốc ngữ, gây dựng một phong trào quần chúng rộng rãi dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương nhằm nâng cao trình độ văn hoá và ý thức chính trị trong nhân dân. Sau Cách mạng tháng Tám, ông được cử làm Bộ trưởng Bộ Cứu tế Xã hội của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (nay là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Sau ông là Trưởng ban thường trực Quốc hội. Đầu năm 1947, ông cùng Chính phủ dời lên Việt Bắc và đã hi sinh trong trận giặc Pháp nhảy dù xuống thị trấn Bắc Kạn ngày 7-10-1947. Sinh thời ông là một học giả được giới trí thức rất kính trọng. Phần lớn các tác phẩm của ông là những bài nghiên cứu in trên báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp, cung cấp nhiều tài liệu quý cho việc nghiên cứu lịch sử và văn học dân tộc.

Người Hà Nội đầu tiên biên soạn tự điển Hán Việt?



Hán Việt tự điển, cuốn tự điển quen thuộc đối với những người học và nghiên cứu chữ Hán do tác giả Thiều Chửu biên soạn. Thiều Chửu tên thật là Nguyễn Hữu Kha (1902-1954), quê ở làng Trung Tự (phường Đông Tác cũ) nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội. Ông tuy không xuất gia nhưng cả đời ăn chay, làm việc thiện và là một người am hiểu sâu sắc về Phật học. Cư sĩ Thiều Chửu là trụ cột của báo Đuốc Tuệ - cơ quan của Hội Phật giáo Bắc Kỳ và là thành viên của Hội Truyền bá Quốc ngữ. Thiều Chửu viết và dịch nhiều sách về Phật học, kinh Phật, nêu rõ tư tưởng

đạo Phật, kiên quyết chống mê tín dị đoan. *Hán Việt tự điển* là thành tựu lớn của ông. Sau khi cuốn tự điển được biên soạn xong vào năm 1942 đến nay đã được tái bản rất nhiều lần. Đây là bộ tự điển giải thích chữ Hán khá cặn kẽ và phong phú với hơn 8.000 chữ lẻ. Cũng có một vài người nữa biên soạn *Hán Việt tự điển* nhưng Thiều Chửu vẫn được coi là người đầu tiên biên soạn cuốn tự điển này.

Có một người Hà Nội được cả Trung Quốc và Việt Nam phong hàm tướng nên còn được gọi là “Lưỡng quốc tướng quân” (Tướng quân hai nước). Đó là ai?

Ông là Nguyễn Sơn (1908-1956), tên thật là Vũ Nguyên Bác, sinh tại phố Yên Ninh (Ba Đình, Hà Nội) nhưng quê gốc ở Kiêu Kỵ (huyện Gia Lâm). Ông sớm đến với Cách mạng, năm 1926 đã dự lớp huấn luyện của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội do Nguyễn Ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc). Sau ông vào học trường Sĩ quan Hoàng Phố, hoạt động trong phong

trào Cộng sản Trung Quốc và đã tham gia cuộc Vạn lý trường chinh cùng Hồng quân Trung Quốc. Năm 1945, ông về nước theo đề nghị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, giữ nhiều chức vụ chỉ huy quân sự ở Liên khu năm và Liên khu bốn. Năm 1948, ông được phong hàm Thiếu tướng trong đợt phong quân hàm đầu tiên. Năm 1951, ông trở lại công tác ở Trung Quốc và đến năm 1955, ông được phong hàm Thiếu tướng Quân giải phóng Trung Quốc. Như vậy, Nguyễn Sơn là một trường hợp đặc biệt, được phong hàm tướng trong quân đội của cả hai nước (Việt Nam và Trung Quốc). Năm 1956, tướng Nguyễn Sơn mắc bệnh nặng, về nước và mất tại Hà Nội.

Người đội viên Đội Thiếu niên Hà Nội đã trở thành Anh hùng Lực lượng vũ trang là ai?

Đó là anh Dương Văn Nội, sinh năm 1932. Gia đình anh quê gốc ở Hà Nam nhưng lên Hà Nội sống từ lâu. Nhà nghèo, sớm mồ côi cha, mẹ vất vả nuôi nấng ba

con nhỏ, ngay từ thiếu thời, Dương Văn Nội đã phải bỏ học đi làm đủ nghề để đỡ gánh nặng cho mẹ. Cách mạng tháng Tám thành công, Dương Văn Nội được sinh hoạt trong Đội Thiếu niên Tiền phong, được giáo dục, học tập, hiểu rõ về tội ác của thực dân và công ơn của Cách mạng, của Bác Hồ. Tháng 10 năm 1946, anh là liên lạc cho Đại đội tự vệ chiến đấu khu Thăng Long. Kháng chiến bùng nổ, anh được giao trinh sát, thu thập tin tức của giặc. Tháng 2 năm 1947, Đại đội tự vệ của anh Nội chuyển thành bộ đội chính quy, về đóng ở tả ngạn sông Đáy và có nhiệm vụ cản địch đánh lên mạn Sơn Tây. Tháng 4 năm 1947, quân Pháp hành quân càn quét qua đó. Đại đội bố trí phục kích trên đê sông Đáy thuộc Yên Sở. Địch bị thương vong không ít nhưng vì quân số đông nên vẫn uy hiếp lực lượng của quân ta. Anh Dương Văn Nội một mình một khẩu súng trường bắn hạ được ba tên địch nhưng ngay sau đó anh đã trúng đạn hi sinh. Khi đó anh mới 15 tuổi. Sau trận đánh, anh Nội được truy tặng Huân chương Chiến thắng hạng Nhì. Sau này, anh được công nhận là

liệt sĩ và được truy phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Chủ tịch Ủy ban Hành chính đầu tiên của Thủ đô Hà Nội là ai?

Đó là bác sĩ Trần Duy Hưng (1912-1988). Ông quê ở xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Ông là một bác sĩ yêu nước nhiệt thành, tích cực tham gia các phong trào xã hội và có uy tín lớn trong giới thanh niên, nhân sĩ, trí thức thời đó. Sau khởi nghĩa tháng Tám, ông được cử làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính đầu tiên của Thủ đô Hà Nội. Trong kháng chiến chống Pháp, ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng như Thứ trưởng Bộ Nội vụ (1947), Thứ trưởng Bộ Y tế (1954). Tháng 10 năm 1954, ông là Phó chủ tịch Ủy ban Quân chính Hà Nội, dẫn đại quân vào tiếp quản Thủ đô, sau đó lại giữ chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính (sau là Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội) cho đến năm 1977. Ông là vị Chủ tịch nhiều nhiệm kì nhất của Hà Nội từ trước đến nay.

THĂNG LONG

LỊCH SỬ



“Phá cường địch, báo hoàng ân” (Phá giặc mạnh, báo ơn vua) là sáu chữ vàng đã được thêu trên cờ của đội quân nào? Ai là người chỉ huy đội quân đó?

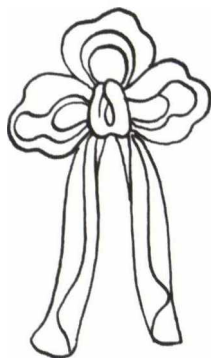
Sáu chữ vàng này được thêu trên cờ của đội quân trẻ tuổi do Trần Quốc Toản, một thiếu niên dòng dõi hoàng tộc nhà Trần, chỉ huy. Khi cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của quân Nguyên đang đến gần, vua Trần Nhân Tông đã triệu tập hội nghị quân sự cấp cao ở Bình Than (đoạn sông Lục Đầu chảy qua huyện Chí Linh, Hải Dương ngày nay) để bàn kế sách đánh giặc. Khi ấy, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản mới 15 tuổi nên vua không cho dự bàn. Trần Quốc Toản âm ỨC bóp nát quả cam trong tay lúc nào mà không biết. Sau đó, Trần Quốc Toản lui về, huy động hơn một ngàn gia nô và thân thích, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, dựng cờ thêu sáu chữ “*Phá cường địch, báo hoàng ân*”. Mỗi lần đôi đầu với giặc, Trần Quốc Toản

đều tự mình xông lên phía trước. Đội quân dưới sự chỉ huy của vị tướng trẻ tuổi, với lá cờ thêu sáu chữ vàng, đã xông pha trong các trận quyết chiến với quân Nguyên ở Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương, góp phần quan trọng vào thắng lợi của chiến dịch giải phóng kinh thành Thăng Long cuối tháng 5 năm 1285. Trong các đoàn quân tiến vào giải phóng kinh thành, có đoàn quân của người anh hùng trẻ tuổi mang trên tay lá cờ kiêu hãnh.

*“Ánh gương sáng loé lòng cay đắng
Tiếng trống đồng vang, tóc bạc sinh
Mau được trở về thân mạnh khoẻ
Trong mơ còn thấy vía kinh hồn.”*

Những câu thơ trên ghi lại sự kiện lịch sử nào diễn ra tại Thăng Long?

Đó là sự kiện sứ thần nhà Nguyên sang gặp vua quan nhà Trần và cảm giác kinh hoàng của ông ta khi đến Thăng Long. Vào năm 1293, Trần Phu dẫn đầu đoàn sứ nhà Nguyên tới kinh đô nước Việt. Vua Trần đã



đón tiếp Trần Phu trọng thể, nhưng cũng tìm cách thị uy để y không giở thói ngang ngược, hống hách. Những người lính gươm giáo chỉnh tề, trống đồng rung lên khi sứ giả bước vào. Sau này, khi về nước, Trần Phu đã làm bài thơ ghi lại cảm giác kinh hoàng lúc đó:

“Kim qua ánh lí đan tâm khổ
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh
Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại
Mộng hồi do giác chương hồn kinh.”

Có nghĩa là:

“Ánh gươm sáng loé, lòng cay đắng
Tiếng trống đồng vang, tóc bạc sinh
Mau được trở về thân mạnh khoẻ
Trong mơ còn thấy vía kinh hồn.”

Thăng Long đổi tên thành Đông Đô vào thời gian nào?

Khi nhà Trần suy yếu, Hồ Quý Ly dần dần thâm tóm quyền lực, từng bước loại bỏ thế lực của quý tộc nhà Trần. Bước vào thập niên cuối cùng của thế kỉ 14, chính quyền về danh nghĩa vẫn là của họ Trần nhưng trên thực tế đã do họ Hồ nắm giữ. Năm 1397, Hồ Quý Ly cho xây thành An Tôn (Vĩnh Lộc, Thanh Hoá), cuối năm đó, Hồ Quý Ly ép vua Trần phải dời đô vào đây. Đô thành mới mang tên là thành Tây Đô (nhân dân thường gọi là thành nhà Hồ), thành Thăng Long đổi tên thành Đông Đô và không còn là kinh đô của nước ta.

Tiền giấy được ban hành vào thời gian nào?

Những năm cuối thế kỉ 14, nhà Trần suy yếu, quyền hành dần tập trung trong tay cha con Hồ Quý Ly. Ngay khi còn ở cương vị phụ chính nhà Trần, Hồ Quý Ly đã thực hiện một loạt cải cách trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục... nhằm củng cố chế

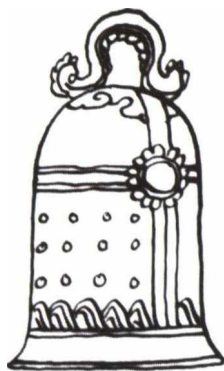
độ quân chủ tập quyền, khắc phục khủng hoảng kinh tế xã hội. Về lĩnh vực tài chính tiền tệ, Hồ Quý Ly cho thu hồi tiền đồng và ban hành tiền giấy vào tháng 4 năm 1396. Hồ Quý Ly hạ lệnh ai làm tiền giả sẽ bị khép vào tội tử hình, tịch thu điền sản sung công. Người nào vẫn cố tình tàng trữ và lưu hành tiền đồng, sẽ bị xử tội ngang với tội làm tiền giả. Thực chất của chính sách ban hành tiền giấy là nhằm củng cố và khẳng định thể chế tập quyền, giảm chi phí cho nhà nước và tiết kiệm nguyên liệu đồng phục vụ việc đúc vũ khí, súng đạn cũng như các vật dụng khác cho quân đội.

Thành Đông Đô bị đổi tên thành Đông Quan trong hoàn cảnh nào?

Đầu thế kỉ 15, nhà Minh ở Trung Quốc bước vào thời kì phát triển thịnh trị và bắt đầu bành trướng ra bên ngoài. Khi đó ở nước ta, nhà Hồ đã thay thế nhà Trần và có sự phòng thủ chống giặc, trong đó thành Đông Đô là một then chốt. Tuy nhiên, do chênh lệch về lực lượng và những sai lầm trong

đường lối kháng chiến của Hồ Quý Ly nên quân ta nhanh chóng lâm vào tình thế khó khăn. Ngày 21-1-1407, thành Đông Đô thất thủ. Sau khi chiếm được Đông Đô, về cơ bản nhà Minh đã xâm lược nước ta. Đầu tháng 7 năm 1407, Minh Thành Tổ (hay Minh Thái Tông, hoàng đế thứ ba của nhà Minh) hạ chiếu đổi nước ta thành quận Giao Chỉ, âm mưu sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc. Cũng trong năm này, nhà Minh đã đổi tên Đông Đô thành Đông Quan và tên gọi này tồn tại suốt gần 20 năm sau đó.

Chuông Quy Điền đã bị phá huỷ trong thời kì nào?



Năm 1407, sau khi chiếm được nước ta, nhà Minh đã thi hành chính sách cai trị hết sức tàn bạo và thâm độc, đặc biệt là về lĩnh vực văn hoá. Vua Minh đã ra lệnh cho thuộc hạ khi tiến vào nước ta phải phá hoại triệt để các công trình văn hoá, sách vở, đốt hết thư tịch. Nhiều công trình văn hoá lớn của Thăng Long cũng như của cả nước, các thành tựu kiến trúc văn hoá Đại Việt dưới thời Lý - Trần đã bị quân Minh phá huỷ. Chuông Quy Điền (chuông chùa Diên Hựu, tức Chùa Một Cột), một trong "tứ đại khí" của nước ta đã bị quân Minh phá huỷ vào năm 1426 để lấy đồng đúc súng đạn. Có thể coi đây là tội ác lớn của nhà Minh đối với văn hoá Thăng Long và cả nước Việt Nam nói chung.

“Nhong nhong ngựa ông đã về. Cắt cỏ Bò Đề cho ngựa ông ăn”. Câu ca này nói về sự kiện nào? Địa danh Bò Đề đó là ở đâu?

Bò Đề là một địa danh chỉ khu vực bên kia sông Hồng (đối diện với kinh thành Thăng Long xưa), nay là xã Bò Đề, huyện Gia

Lâm, Hà Nội (gần sát đầu bắc cầu Chương Dương). Dân gian cho rằng, sở dĩ có tên gọi Bồ Đề là vì xưa kia ở đây có hai cây bồ đề rất lớn. Đầu năm 1427, bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn quyết định dời đại bản doanh từ Đông Phù Liệt (huyện Thanh Trì) sang đóng ở Bồ Đề. Tại đây, Lê Lợi đã cho dựng một lầu nhiều tầng rất cao. Hằng ngày, Lê Lợi lên lầu quan sát tình hình quân Minh bên thành Đông Quan, còn Nguyễn Trãi thường ngồi dưới tầng thứ hai cùng bàn bạc việc quân cơ và thảo các văn thư, mệnh lệnh, viết thư dụ hàng Vương Thông. Đại bản doanh Bồ Đề được sử dụng cho đến ngày Lê Lợi chính thức dời vào thành Đông Quan (tháng 4 năm 1428). Câu ca trên nói đến không khí nhộn nhịp tại đại bản doanh Bồ Đề, thể hiện sự đóng góp của nhân dân vào cuộc khởi nghĩa dù chỉ với một công việc đơn giản: tự nguyện đến cắt cỏ cho ngựa chiến ăn để thêm lực đi đánh thành Đông Quan.

“Hiếu dụ thành Đông Quan” là đầu bài thi cho khoa thi nào?

Dù xuất thân nghiệp võ nhưng Lê Lợi cũng là vị vua chuộng kẻ sĩ, trọng văn học. Ngay trong *Chiếu khuyến dụ hào kiệt* ban bố năm 1427, Lê Lợi đã thiết tha kêu gọi “các bậc hào kiệt” tham gia vào sự nghiệp cứu nước. *Hiếu dụ thành Đông Quan* chính là đầu bài thi cho khoa thi đầu tiên của triều đại Lê Lợi tại dinh Bồ Đề. Trong điều kiện hết sức đặc biệt, khi cuộc chiến tranh còn chưa kết thúc, nhiều thành trì quan trọng như Đông Quan, Tam Giang, Xương Giang, Diêu Diêu còn chưa được giải phóng, Lê Lợi vẫn quyết định mở khoa thi này để chọn người tài giúp nước. Đầu bài cho các sĩ tử mang một ý nghĩa rất thiết thực, phục vụ trực tiếp cuộc chiến tranh giải phóng khi đó. Khoa thi này, Lê Lợi chọn được 36 người, sau đó bổ làm An phủ sứ các lộ và các Viên ngoại lang các bộ. Trong số đó, nhiều người sau này trở thành trụ cột của triều Lê sơ, đóng góp quan trọng vào sự phát triển cường thịnh của triều đại này như Đào Công Soạn, Nguyễn Vĩ...

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, kẻ thù phải buộc tuyên bố rút quân về nước dưới hình thức “hội thề” là sự kiện nào?

Đó là Hội thề Đông Quan giữa thủ lĩnh quân khởi nghĩa Lam Sơn - Lê Lợi và tướng cầm đầu giặc Minh là Vương Thông. Bằng những chiến thắng vang dội trên mặt trận quân sự và cuộc đấu tranh kiên trì trong lĩnh vực ngoại giao, cuối cùng, Vương Thông đã phải chấp nhận rút quân về nước. Hai bên đã tổ chức một hội thề để chính thức đình chỉ chiến sự. Ngày 10-12-1427, hội thề đã được tổ chức tại một địa điểm ở phía nam thành Đông Quan. Dẫn đầu nghĩa quân Lam Sơn là Lê Lợi. Dẫn đầu quân Minh là Vương Thông. Hai bên đã cùng nhau uống máu ăn thề và đọc bài *Văn hội thề* do Nguyễn Trãi soạn. Vương Thông cam kết rút hết quân về nước, thời gian được ấn định từ ngày 29-12-1427.

Tại Đông Kinh, dưới triều Lê, đã xảy ra một vụ hành hình đầy oan khuất với một đại công thần và gia tộc của ông. Đó là sự kiện nào?

Đó là vụ hành hình Nguyễn Trãi và gia tộc của ông. Các sử gia chép rằng, ngày 1-9-1442, vua Lê Thái Tông sau khi đi duyệt quân ở Chí Linh đã ghé qua Côn Sơn thăm Nguyễn Trãi. Nguyễn Trãi có một người thiếp yêu tên là Nguyễn Thị Lộ, vừa đẹp người vừa hay chữ, đã được Thái Tông phong làm Lễ nghi nữ học sĩ chuyên dạy dỗ cung nhân, lúc ấy cũng đang ở Côn Sơn. Khi Thái Tông rời Côn Sơn thì Nguyễn Thị Lộ cũng được lệnh trở về kinh thành. Ngày 7-9-1442, nhà vua về đến Lệ Chi Viên (Vườn Vải, ở làng Đại Lai, huyện Gia Định, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh) và đến đêm thì bị cảm mạo rồi đột ngột băng hà. Các quan hộ giá giữ kín tin, rước linh cữu về kinh thành đến ngày 11 mới phát tang. Triều đình vu cho Nguyễn Trãi thông đồng với Nguyễn Thị Lộ giết vua. Nguyễn Thị Lộ bị bắt. Nguyễn Trãi được tin Thái Tông mất vội vã trở về Đông Kinh và cũng lập tức bị bắt. Ngày 19-

9-1442, Nguyễn Trãi cùng gia tộc của mình bị hành hình tại Đông Kinh. Đó là một ngày đau buồn không chỉ đối với gia tộc Nguyễn Trãi mà là đối với cả dân tộc Việt Nam.

Bản đồ Hà Nội đầu tiên được vẽ theo phương pháp hiện đại vào năm nào?

Năm 1885, bản đồ Hà Nội đầu tiên vẽ theo phương pháp bản đồ học hiện đại của phương Tây được hoàn thành. Bản đồ có tỉ lệ 1:5.000, do Babonneau chỉ đạo công việc dựng vẽ. Nhưng mãi tới năm 1936, Sở địa chính Bắc Kỳ mới cho xuất bản. Bản đồ có thước tỉ lệ hình, trình bày màu và không định hướng (Bắc - Nam). Bản đồ phân biệt rõ hai loại cổng: A - loại cổng bao quanh phần đô thị và B - loại cổng bao quanh bên ngoài. Hai loại cổng này khác nhau về hình dáng cũng như cấu tạo. Một loại cổng có mái che và một loại cổng chỉ có hai trụ thẳng. Nhằm mục đích phục vụ cho công tác quy hoạch nên bản đồ 1885 hầu như còn thể hiện nguyên trạng thành phố. Ưu điểm của bản đồ là tập trung thể hiện rõ địa giới hành chính của các thôn phường, đặc biệt là khu vực phố cổ, khu buôn bán. Nhờ đó,

thông qua bản đồ này chúng ta có thể biết được mức độ cư trú của người dân các nơi tập trung về Hà Nội cuối thế kỉ 19.

Vụ “Hà Thành đầu độc” xảy ra vào thời gian nào?



Vào khoảng năm 1907 - 1908, một số người Việt yêu nước trong hàng ngũ bồi bếp và binh lính phục vụ cho quân Pháp đã liên lạc với nghĩa quân Yên Thế của Hoàng Hoa Thám. Họ dự định tổ chức đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội, sau đó sẽ tiến lên giải phóng đất nước. Tối ngày 27-6-1908, mặc dù quân Pháp đã có đề phòng nhưng kế hoạch đầu độc vẫn được thực hiện. Tuy nhiên, do

thuốc độc quá yếu nên lính Pháp không bị thiệt mạng. Pháp đã ra tay đàn áp rất dã man. Những thủ lĩnh của vụ này là Nguyễn Trị Bình (Đội Bình), Đặng Đình Nhân (Đội Nhân), Nguyễn Văn Cốc (Đội Cốc) đã bị xử chém ở phía trước Cột Cờ Hà Nội (tại vườn hoa Chi Lăng ngày nay) cùng một số người yêu nước khác. Mặc dù bị thất bại nhưng vụ "Hà Thành đầu độc" đã trở thành một minh chứng cho lòng yêu nước và ý chí bất khuất, kiên cường của người Hà Nội nói riêng cũng như người Việt Nam nói chung.

Những năm đầu thế kỉ 20, tại Hà Nội có một phong trào học tập tiêu biểu do các sĩ phu yêu nước tiến bộ khởi xướng. Đó là phong trào gì?

Phong trào học tập tiêu biểu nhất của nhân dân Hà Nội đầu thế kỉ 20 là Đông Kinh Nghĩa Thục. Đông Kinh Nghĩa Thục là ngôi trường hợp pháp do các sĩ phu yêu nước, tiến bộ lập ra vào tháng 3 năm 1907 ở phố Hàng Đào, Hà Nội. Lương Văn Can làm hiệu trưởng của trường, Nguyễn Quyền làm giám học. Chương trình học bao gồm

những kiến thức mới như địa lí, sử kí, cách trí, vệ sinh. Quan điểm của trường là đào tạo những người hữu dụng cho đất nước. Trường tổ chức những buổi diễn thuyết kêu gọi chống lễ thói phong kiến lạc hậu, cổ động thực nghiệp, dùng hàng nội hoá, sống theo lối mới. Nhà trường còn tuyên truyền tư tưởng tư sản tiên bộ của Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Tây Âu. Để truyền bá tư tưởng mới, trường chú trọng phổ biến chữ Quốc ngữ. Trước những tư tưởng cấp tiến mà Đông Kinh Nghĩa Thục truyền bá, thực dân Pháp rất lo sợ. Tháng 12 năm 1907, chính quyền Pháp ở Hà Nội quyết định đóng cửa trường. Mặc dù bị đóng cửa nhưng mục đích tốt đẹp cùng tấm gương các nhà giáo mẫu mực như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền... mãi mãi in đậm trong tâm trí người Hà Nội.

Vụ án khách sạn “Gà Vàng” đã làm rung chuyển cả Hà Nội xảy ra vào thời gian nào?

Ngày 26-4-1913, giữa lúc thực dân Pháp

đang ngồi ăn uống trong khách sạn Gà Vàng ở số 29 phố Tràng Tiền thì một quả bom từ ngoài đường bất ngờ ném vào và nổ tung. Hai tên trung tá Pháp là Montgrand và Chapuis chết ngay lập tức còn một số khác bị thương. Người ném bom đã chạy thoát. Đó là Nguyễn Văn Tuý và Nguyễn Khắc Cần, cả hai đều là chiến sĩ của Việt Nam Quang Phục Hội. Trước đó, Nguyễn Văn Tuý cùng hai đồng chí nữa là Phạm Văn Tráng và Nguyễn Trọng Thường nhận nhiệm vụ của Hội từ Trung Quốc mang bom về nước để thi hành án tử hình đối với Nguyễn Duy Hàn, tuần phủ Thái Bình. Sau khi Nguyễn Duy Hàn bị Phạm Văn Tráng hạ sát ngày 12-4-1913 thì tới ngày 26-4-1913, Nguyễn Văn Tuý và Nguyễn Khắc Cần qua Hà Nội thực hiện vụ ném bom giữa khu phố nổi tiếng này. Thực dân Pháp đã điên cuồng khủng bố. Chúng đã bắt 254 người trong đó có cả Phạm Văn Tráng và Nguyễn Văn Tuý, Nguyễn Khắc Cần. Trong vụ án này, 7 người bị tử hình, nhiều người bị đi đày, giam cầm và chịu tù khổ sai.

Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam của thành phố Hà Nội được thành lập ở đâu? Vào thời gian nào?

Không bao lâu sau sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (ngày 3-2-1930), Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ thành phố Hà Nội cũng được gấp rút thành lập. Tại ngôi nhà số 42 Hàng Thiếc, ngày 17-3-1930, Ban Chấp hành Thành uỷ lâm thời Hà Nội ra đời, gồm 3 đồng chí: Đỗ Ngọc Du, Nguyễn Ngọc Vũ và Lều Thợ Nam. Bí thư đầu tiên của Thành uỷ Hà Nội là đồng chí Đỗ Ngọc Du. Sau khi thành lập, Thành uỷ chủ trương củng cố tổ chức, ra sức đẩy mạnh đấu tranh, tuyên truyền, vận động quần chúng, hưởng ứng phong trào đấu tranh khắp nơi, góp phần làm cho Quốc tế Cộng sản sớm công nhận Đảng ta.

Cuối tháng 4-1930, đồng chí Đỗ Ngọc Du được Trung ương điều đi công tác ở Thượng Hải (Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ngọc Vũ được bổ nhiệm tạm thời giữ chức Bí thư. Để kiện toàn Ban Chấp hành, đầu tháng 6 năm 1930, đồng chí Trần Văn Lan, Thường vụ Trung ương Đảng đã triệu tập một cuộc họp

ở 177 Hàng Bông để tổ chức lại Ban chấp hành Thành uỷ Hà Nội và thay mặt Trung ương Đảng công nhận Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nội. Thành uỷ Hà Nội được chính thức thành lập gồm 3 đồng chí: Nguyễn Ngọc Vũ (Bí thư), Lê Đình Tuyển, Đỗ Danh Cư. Văn phòng Thành uỷ do đồng chí Tạ Quang Sắn phụ trách.

Vào năm 1930, những cô gái Hà Thành đã khiến cả Hà Nội và nhiều địa phương khác trong cả nước xôn xao bởi hoạt động gì?



Ngày 8-11-1930, báo chí Hà Nội đã đăng tải dòng tít "*Cuộc đi bộ của những cô gái Hà Thành*" đã khiến nhân dân Hà Nội và nhiều

địa phương khác trong cả nước xôn xao. Bốn cô gái Hoàng Việt Nga, Nguyễn Đạm Thanh, Đinh Thị Sáng và Trần Đan Quế, vào đúng 6 giờ 30 phút sáng thứ bảy (ngày 8-11-1930) với trang phục quần trắng áo dài đã tập trung tại trụ sở báo *Bắc Kỳ Thế Thao* (nay là số 21 phố Hàng Quạt), để chuẩn bị cho cuộc đi bộ từ Hà Nội ra Đồ Sơn (Hải Phòng). Người tài trợ cho cuộc thi chính là chủ bút của tờ báo - nhà báo Nghiêm Xuân Huyền. Đúng 7 giờ, cuộc đua xuất phát. Sáng ngày 11 tháng 11, ba trong số bốn cô gái đã đến đích. Nghỉ ngơi một ngày, họ lên tàu trở về Hà Nội, kết thúc cuộc đua. Cuộc đi bộ đã thu hút được sự quan tâm chú ý của nhiều người không chỉ vì chặng đường dài họ đã vượt qua mà chủ yếu là vì tham gia cuộc thi là những cô gái Hà Thành thanh lịch.

Vào đêm Giáng Sinh năm 1932, tại Hoả Lò đã diễn ra một cuộc vượt ngục nổi tiếng của 7 chiến sĩ cộng sản kiên trung. Sự kiện ấy xảy ra như thế nào?

Hoả Lò là một nhà tù lớn do thực dân Pháp xây dựng ngay giữa lòng thành phố vào năm 1896, chủ yếu dùng làm nơi giam giữ các tù chính trị, nhất là những Đảng viên Cộng sản. Bao quanh nhà tù là những bức tường bằng đá, cốt thép vô cùng kiên cố cùng hệ thống dây thép gai có dòng điện cao thế chạy qua, bốn góc là những tháp canh có khả năng quan sát toàn bộ trại giam. Tại đây, vào đêm Giáng sinh năm 1932 đã diễn ra cuộc vượt ngục nổi tiếng của 7 chiến sĩ cộng sản kiên trung. Các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Tạo, Lê Đình Tuyển, Hào Lịch, Bùi Xuân Mẫn, Nguyễn Trọng Đàm, Võ Duy Cương giả ốm hoặc giả tự tử để được chuyển sang điều trị ở bệnh viện Phủ Doãn (nay là bệnh viện Việt Đức). Sau đó, các đồng chí bí mật tổ chức cưa song sắt phòng giam, nhảy qua tường, hoà vào đoàn người di dự lễ Thiên chúa giáng sinh

rời tỏa đi các ngã đường, trốn thoát. Cuộc vượt ngục đã thành công.

Tại sao lại gọi là Quảng trường Ba Đình?

Ba Đình là một địa danh thuộc huyện Nga Sơn (Thanh Hoá). Ở đó có ba ngôi đình lớn của ba làng Mậu Thịnh, Mĩ Khê, Thượng Thổ. Trong phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỉ 19, cuộc khởi nghĩa Ba Đình do Đình Công Tráng lãnh đạo, với sự hỗ trợ của Phạm Bành và Trần Xuân Soạn đã nổ ra tại đây. Để chuẩn bị chiến đấu lâu dài với quân Pháp, nghĩa quân Ba Đình xây dựng xóm làng mình thành căn cứ kháng chiến được bao bọc xung quanh là lũy tre dày đặc và một hệ thống hào rộng, cắm đầy chông tre. Gần hai năm chiến đấu (từ tháng 4-1885 đến tháng 1-1887), nghĩa quân đã lập được nhiều chiến công rất oanh liệt như tấn công nhiều phủ thành, chặn đánh các đoàn xe... Nhưng sau đó cuộc khởi nghĩa đã bị đàn áp dã man, căn cứ Ba Đình bị nhấn chìm trong biển lửa.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, Quảng trường Ba Đình, Hà Nội chỉ là một khu đất gồm những bãi đất hoang và hồ ao, có tên gọi là Quảng trường Tròn (Rond point Puginier). Khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, Quảng trường Tròn được lấy làm nơi tổ chức lễ Tuyên ngôn Độc lập và được đổi tên thành Vườn hoa Ba Đình, sau đó được mở rộng, gọi là Quảng trường Ba Đình để tưởng nhớ đến cuộc khởi nghĩa Ba Đình do Đình Công Tráng lãnh đạo.

Đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đầu tiên đến Hà Nội sau ngày giải phóng 10-10-1954 thuộc nước nào?

Sau hiệp định Genève, miền Bắc được giải phóng hoàn toàn. Ngày 10-10-1954, quân ta tiếp quản Thủ đô. Trong hai ngày 17 và 18 tháng 10 năm 1954, đoàn đại biểu cấp cao Ấn Độ do Thủ tướng Jawaharlal Nehru dẫn đầu đã chính thức sang thăm nước ta. Đây là đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài đầu tiên đến Hà Nội sau ngày giải phóng. Sự kiện này cũng đánh dấu mốc lịch sử quan trọng

trong quan hệ ngoại giao giữa Chính phủ và nhân dân hai nước Việt Nam - Ấn Độ.

Sau ngày Hà Nội giải phóng, cuộc bầu cử đầu tiên diễn ra trong thời gian nào?



Ngày 24-11-1957, nhân dân Thủ đô phần khởi tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố. Đây là cuộc bầu cử đầu tiên sau ngày Thủ đô giải phóng. Trên 97% cử tri đã tham gia bỏ phiếu. Hội đồng nhân dân được bầu ra với hơn 100 đại biểu đại diện cho các ban ngành, đoàn thể, giới chức Thủ đô. Kì

hợp thứ nhất của Hội đồng nhân dân đã bầu ra Ủy ban Hành chính Thành phố gồm 11 vị, do bác sĩ Trần Duy Hưng làm chủ tịch.

Lễ kết nghĩa ba thành phố lớn Hà Nội - Huế - Sài Gòn diễn ra tại đâu? Vào thời gian nào?

Thể theo nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân Thủ đô, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội cùng đại diện nhân dân Sài Gòn, Huế quyết định thành lập Ban Vận động kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn do bác sĩ Trần Duy Hưng, Chủ tịch Ủy ban Hành chính thành phố Hà Nội làm trưởng ban. Tối ngày 8-10-1960, tại câu lạc bộ Ba Đình - Hà Nội, Ban Vận động đã tổ chức trọng thể lễ kết nghĩa giữa ba thành phố lớn. Đây là một sự kiện văn hoá chính trị quan trọng đánh dấu một mốc son mới của tinh thần đoàn kết một lòng của nhân dân Việt Nam nói chung, của nhân dân Hà Nội - Huế - Sài Gòn nói riêng.

Phong trào “Ba sẵn sàng” của tuổi trẻ Thủ đô đã được phát động trong hoàn cảnh nào?

Để cứu vãn tình hình thất bại ở miền Nam, ngày 4-8-1964, đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ, lấy cớ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 5-8-1964, chúng mở cuộc tiến công “Mũi tên xuyên”, sử dụng 64 lượt máy bay đánh phá miền Bắc. Nhân dân Thủ đô, đặc biệt là thanh niên vô cùng căm phẫn trước hành động trắng trợn của giặc Mỹ. Ngày 9-8-1964, tại hội trường Bộ Công nghiệp, Ban Chấp hành Đoàn thanh niên Lao động Hà Nội đã phát động phong trào “Ba sẵn sàng”. Nội dung của phong trào này là: *Sẵn sàng nhập ngũ; Sẵn sàng chiến đấu, Sẵn sàng hi sinh; Sẵn sàng đi đến bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần đến*. Nhưng đến sau năm 1965 thì nội dung đã đổi thành: *Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu dũng cảm; Sẵn sàng gia nhập các lực lượng vũ trang; Sẵn sàng khắc phục khó khăn và đẩy mạnh sản xuất, học tập, công tác trong bất kì tình huống nào; Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần*. Phong trào “Ba sẵn sàng” đã thu

hút hàng chục vạn đoàn viên Thủ đô tham gia, mở đầu cho phong trào thanh niên miền Bắc lên đường chiến đấu, giết giặc lập công.

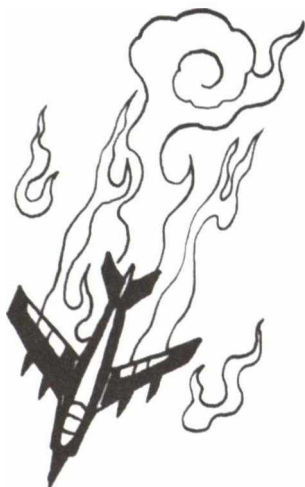
Phong trào phụ nữ “Ba đảm đang” được phát động vào thời gian nào?

Ngày 19-3-1965, tại Hà Nội, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam mở cuộc vận động “Ba đảm nhiệm” (sau đổi thành “Ba đảm đang”) trong toàn thể chị em phụ nữ. Phong trào nhằm mục đích động viên phụ nữ phát huy mọi năng lực phục vụ cho sự nghiệp chống Mĩ cứu nước và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, đồng thời qua đó đẩy mạnh sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Nội dung của phong trào này là: *Đảm nhiệm sản xuất và công tác thay thế chồng con anh em chiến đấu; Đảm nhiệm gia đình cho chồng con anh em đi chiến đấu, khuyến khích chồng con tòng quân và phục vụ lâu dài trong quân đội; Đảm nhiệm phục vụ chiến đấu, tham gia dân quân tự vệ, tập luyện quân sự sẵn sàng chiến đấu, phục vụ bộ đội, công an, dân quân tự vệ khi chiến đấu.* Phong

trào đã được phụ nữ miền Bắc nhiệt liệt hưởng ứng.

Chiếc máy bay Mĩ đầu tiên bị bắn rơi trên bầu trời Hà Nội vào thời gian nào?

Ngày 12-6-1965, máy bay Mĩ xâm phạm bầu trời Hà Nội và một chiếc F4 đã bị bắn rơi trên đất Hoà Bình. Có thể coi đây là chiếc máy bay Mĩ đầu tiên bị quân dân Thủ đô bắn rơi. Những ngày sau đó, Mĩ tiếp tục xâm



phạm vùng trời Thủ đô. Ngày 25-6-1965, chiếc máy bay trinh sát 147J bị bắn rơi tại Hoà Mục, xã Trung Hòa, Từ Liêm (nay là phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy). Đây là chiếc máy bay Mĩ bị bắn rơi tại chỗ đầu tiên trên đất Hà Nội.

**Ai là người phụ trách công việc thiết
kế lễ đài nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc
Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2-9-1945?**

Đó là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh (1920-2003), quê ở xã Phùng Chí Kiên, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Năm 1938, ông thi đỗ vào Khoa Kiến trúc, Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương, một trường nổi tiếng thời bấy giờ ở Hà Nội.

Sau khi về Hà Nội, Bác Hồ và Trung ương Đảng đã quyết định tổ chức lễ Tuyên ngôn Độc lập vào ngày 2-9-1945. Địa điểm tổ chức dự kiến lúc đầu là Quảng trường Nhà hát Lớn Hà Nội vào buổi sáng nhưng sau khi cân nhắc kĩ lại, Vườn hoa Ba Đình đã được chọn. Nhưng vấn đề phát sinh là ở đây không có lễ đài sẵn cho sự ra mắt của Chính

phủ. Và lễ đài này phải được hoàn thành gấp rút trong một thời gian rất ngắn. Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh được giao nhiệm vụ thiết kế, chỉ đạo thi công lễ đài. Một gia đình làm nghề mộc ở Hà Đông được mời ra thi công công trình trong hoàn cảnh hết sức khẩn trương. Sau một ngày đêm làm việc liên tục, với sự giúp đỡ nhiệt tình của nhân dân nội thành như cung cấp hoặc cho mượn vật liệu gỗ, tre, lễ đài đã được hoàn thành đúng kỹ thuật và thời hạn - trước 5 giờ sáng ngày 2-9-1945. Lễ đài được xây dựng trên khu đất hình tròn, tương đối cao. Toàn khung lễ đài bằng gỗ, cao khoảng 4m, hình vuông, được phủ vải xung quanh và có các bậc lên xuống ở trong.

Ai là người có vinh dự được kéo cờ trong buổi lễ Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945?

Vào 14 giờ, ngày 2-9-1945, lễ Tuyên ngôn Độc lập được tiến hành trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Mở đầu buổi lễ là nghi thức chào cờ và cử hành Quốc ca. Toàn thể những người dự lễ đứng trang nghiêm

hát bài *Tiến quân ca* và giơ tay chào lá cờ đỏ sao vàng năm cánh từ từ được kéo lên đỉnh cột cờ giữa quảng trường.

Có hai người được vinh dự kéo lá cờ trong ngày lễ trọng thể này. Đó là nữ chiến sĩ Đàm Thị Loan (người Tày, được điều động từ chiến khu Việt Bắc về Hà Nội trong những ngày khởi nghĩa) và nữ sinh trường Trưng Vương Lê Thi (tên thật là Dương Thị Thoa, con gái giáo sư Dương Quảng Hàm). Nữ sinh Lê Thi là người Hà Nội, đã hoạt động trong phong trào thanh niên, học sinh Hà Nội thời kì Tổng khởi nghĩa.

“Hình ảnh của miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi”, Bác Hồ đã nói câu này nhân dịp nào?

Câu nói nổi tiếng trên được Bác nói nhân dịp đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam lần đầu tiên ra thăm Hà Nội. Mặt trận này là tổ chức tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân miền Nam tham gia kháng chiến chống Mĩ cứu nước được thành lập vào tháng 12 năm 1960.

Ngày 19-10-1962, đoàn đại biểu Mặt trận do Giáo sư Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu đã ra thăm miền Bắc. Đoàn được Đảng, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Hà Nội đón tiếp nồng nhiệt. Ngày 20-10-1962, trong buổi tiếp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *"Hình ảnh của miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim tôi"*.

Hà Nội trở thành Thủ đô của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ khi nào?



Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành

Trung ương Đảng, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam về Hà Nội. Ngày 9-11-1946, Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua, Điều 1 của Hiến pháp quy định Thủ đô đặt ở Hà Nội.

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung được tổ chức trên toàn quốc. Hơn 23 triệu cử tri (98,8%) tham gia bầu cử và lựa chọn được 492 đại biểu vào Quốc hội khoá VI. Cuối tháng 6, đầu tháng 7 năm 1976, Quốc hội khoá VI họp kì đầu tiên ở Hà Nội và quyết định đổi tên nước là Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam kể từ ngày 2-7-1976 và Thủ đô là Thành phố Hà Nội. Từ đó trở đi, lịch sử Đảng bộ và nhân dân Hà Nội bước sang trang mới với những trọng trách mới.

Hà Nội được UNESCO trao tặng danh hiệu “Thành phố vì hoà bình” vào thời gian nào?

Ngày 17-6-1999, Hà Nội được Ủy ban Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (UNESCO) quyết định trao tặng

danh hiệu "*Thành phố vì hoà bình*". Đây là danh hiệu của Đại hội đồng UNESCO xét hai năm một lần phong tặng 5 thành phố tiêu biểu cho 5 khu vực trên thế giới. Năm 1999, tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, UNESCO đã quyết định chọn Hà Nội, một thành phố đang phát triển có nhiều dự án khả thi hướng tới các tiêu chí mà Hội đồng UNESCO đặt ra. Danh hiệu "*Thành phố vì hoà bình*" được trao tặng cho Hà Nội vào đúng thời điểm Thủ đô đang chuẩn bị kỉ niệm 990 năm và tiến tới kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Đây chính là sự khích lệ, động viên kịp thời với nhân dân Thủ đô, tiếp sức cho sự phấn đấu xứng đáng với danh hiệu cao quý đó.

Hà Nội được trao tặng danh hiệu "Thủ đô anh hùng" vào thời gian nào?

Ngày 4-10-2000, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam Trần Đức Lương đã kí bằng "*Tặng thưởng Thành phố Hà Nội danh hiệu Thủ đô anh hùng vì đã có công lao to lớn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*". Ngày



7-10-2000, trong lễ kỉ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Chủ tịch Trần Đức Lương đã trao tặng danh hiệu "*Thủ đô anh hùng*" và có bài phát biểu nêu rõ vinh dự, vị trí và nhiệm vụ của nhân dân Thủ đô.

THĂNG LONG

TRUYỀN THỐNG & HÀO HOA



Trong tứ trấn Thăng Long, trấn phía Nam của Hà Nội là vị thần nào? Vị thần này được thờ ở đâu?



Đó là thần Cao Sơn, được thờ ở đình Kim Liên. Đình này thuộc làng Kim Liên cũ, nay là phường Phương Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Ngoài ra thần còn được thờ ở các đền, đình của tổng Hà Hồi huyện Thường Tín. Một số nơi khác cũng thờ thần Cao Sơn nằm rải rác ở các đình làng thuộc Bạch Mai, Quỳnh Lôi, Yên Mỹ... ngày nay. Tương truyền, thần Cao Sơn được thờ ở

đình Kim Liên chính là một trong 100 người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Vị thần này có công phù trợ quân diệt Lê Uy Mục, sau được dân làng Kim Liên rước về thờ và phong là Cao Sơn Đại Vương trấn phía nam kinh thành.

Ngoài ra, trấn phía bắc của Hà Nội là vị thần Huyền Thiên Trấn Vũ, được thờ ở đền Quán Thánh, quận Ba Đình. Trấn phía đông Hà Nội là vị thần Bạch Mã (hay còn gọi thần Long Đỗ), được thờ ở đền Bạch Mã, phố Hàng Buồm và đền Thái Cam, phố Hàng Gà. Trấn phía tây của Hà Nội là vị thần Linh Lang, được thờ ở rất nhiều đình, đền như đền Voi Phục (hiện nằm trong khuôn viên Công viên Thủ Lệ), Kim Mã, Vạn Phúc, Ngọc Hà, Cống Vị, Liễu Giai.

Sự tích về Bà chúa Tằm như thế nào?

Thời vua Lê Thánh Tông, ở tỉnh Hà Nam bây giờ có một vị quan tên là Trần Vỹ. Khi tuổi cao, ông lui về, mở trường dạy học ở làng Nghi Tàm, Thăng Long. Hai vợ chồng ông đã quá năm mươi mà vẫn chưa có một mụn con. Một ngày đẹp trời, ông dạy học

xong và ngồi hóng mát bên bờ Hồ Tây, gió chiều đưa ông vào giấc mộng lúc nào không hay. Ông mơ thấy mình được lạc vào cõi trời, được thượng đế giao cho công chúa Quỳnh Hoa. Chẳng bao lâu sau, vợ ông mang thai và sinh được một người con gái. Ông thấy con gái có nét giống nàng tiên trong giấc mơ, liền đặt tên là Quỳnh Hoa. Quỳnh Hoa lớn lên, nổi tiếng tài sắc một vùng. Ông bà Trần gả nàng cho chàng trai tên là Liễu Nghị. Liễu Nghị tướng mạo anh tuấn, thi đỗ tiến sĩ, được làm quan coi phủ Hà Trung (nay là Thanh Hoá). Giặc Chiêm Thành tràn xuống uy hiếp Thăng Long, Liễu Nghị được cử vào đội quân tiên phong diệt địch. Nàng Quỳnh Hoa cũng cải trang thành nam nhi, đem theo binh sĩ và gia nhân tiếp sức cho chồng. Quân ta đánh tan giặc Chiêm, Liễu Nghị được nhà vua phong cho làm Đô đài ngự sử. Cả gia đình dọn về cư ngụ tại Thăng Long.

Khi chồng mất, bà Quỳnh Hoa xin nhà vua cho mình về ở Nghi Tàm (nay thuộc quận Tây Hồ, Hà Nội). Ngoài tài văn thơ, cung kiếm, bà vốn là người thạo việc trồng dâu nuôi tằm. Từ lúc về quê, bà đã phổ biến

cho dân chúng nghề tầm tang. Khi mất, bà được tôn là bà chúa Tầm - cũng là thành hoàng của làng.

Sự tích về Bà chúa Thiên Niên như thế nào?

Bà chúa Thiên Niên là tên hiệu mà nhân dân đặt cho bà Phạm Thị Ngọc Đô - một mỹ nhân của vua Lê. Chuyện kể rằng ngày xưa, dân các làng Trích Sài, Bái Ân, Nghĩa Đô ở Thăng Long chỉ chuyên sống bằng nghề đồn củi, nhưng sau đó đã học được nghề dệt lĩnh, nhờ thế mà trở nên khá khá. Người dạy cho dân ở đây biết nghề này là bà Phạm Thị Ngọc Đô. Năm ấy, nhà vua đi đánh giặc quấy nhiễu ở phương Nam và khải hoàn quay về Thăng Long. Trong số những người phương Nam đi theo đoàn quân chiến thắng trở về có một người con



gái xinh đẹp tên là Phạm Thị Ngọc Đô. Nàng được nhà vua yêu mến không chỉ vì sắc nước hương trời mà còn bởi biệt tài về nữ công gia chánh. Nàng có 24 tì nữ đều thông minh, nhanh nhẹn và thành thạo kim chỉ vá may như chủ. Phạm Thị Ngọc Đô được nhà vua cấp đất và dựng cung ở với 24 tì nữ của nàng. Phần đất ấy ngày nay là địa phận làng Trích Sài. Nàng xây dựng cơ ngơi khang trang gọi là Thiên Niên trang, tuyển thêm người và cùng với các tì nữ của mình dạy nghề dệt lĩnh cho dân chúng. Ít lâu sau, nàng mất. Nhân dân nhớ ơn nàng nên lập miếu thờ, thường gọi là miếu "Bà Chúa dệt lĩnh". Chùa làng Trích Sài cũng dựng trên đất trang trại của bà, được đặt tên là chùa Thiên Niên, "Bà Chúa dệt lĩnh" hay "Bà Chúa Thiên Niên" đều là tên hiệu nhân dân tôn vinh người có công truyền nghề thủ công cho dân làng.

Ngọc Nương công chúa được thờ ở đâu? Truyền thuyết về nàng như thế nào?

Ngọc Nương là con gái một gia đình bốn đời danh tiếng là Lý Nghi ở Nam Sách, Hải



Dương. Nàng là một người con gái đẹp, mắt phượng mày ngài, khuôn trắng đầy đặn. Càng lớn, nhan sắc của nàng càng toàn mỹ, nhất là khi nàng mặc xiêm y màu trắng. Bộ quan cho rằng nàng là linh khí của Long Vương bèn cho dựng cung ở mé tây hồ Bạch Nhạn. Một hôm, nàng rong chơi ở đất Long Đầu, bỗng trên không trung mây đen vần vũ, sấm vang chớp giạt, rồi mưa như trút, nước sông dâng lên làm ngập cả một vùng. Trong sóng cuộn và gió mưa dữ dội hiện lên một con rắn trắng to và dài gần 10 trượng, rẽ nước đón Ngọc Nương về Thủy cung. Chỗ nàng về Thủy cung từ đây thường có một cột nước phun lên. Theo thuyết phong thủy thì vùng đất này nằm trên vòi của một con rồng. Từ đó trở đi, nơi đây thường có nước dâng, nhiều đoàn thương khách qua lại thấy đất thiêng đã

cùng nhân dân trong vùng lập miếu thờ gọi là Ngọc Nương công chúa, trong dân gian còn gọi là đền Đồng Nước.

Đến đời vua Trần Nhân Tông, khi nhà vua xuất quân đi đánh giặc Nguyên Mông, đêm nằm mộng thấy một người con gái tự xưng là công chúa Long Vương xin ngầm theo giúp vua đánh giặc. Thắng trận trở về, nhớ công nàng, nhà vua sai sứ giả đến phủ dụ dân trong trại Đồng Nước, ban cho 100 quan tiền để sửa đền, lại phong thần hiệu là "Bạch Ngọc Hồ Thuỷ Tinh Tôn Linh công chúa". Hiện nay ngôi đền tọa lạc ở làng Ngọc Hà, quận Ba Đình.

Tại Hà Nội, Đồng Cổ Đại Vương được thờ ở đâu? Sự tích về vị thần cũng như hội thề Đồng Cổ này như thế nào?

Đồng Cổ Đại Vương được thờ ở đền Đồng Cổ, nằm trên đường Thụy Khuê, thuộc phường Bưởi, quận Tây Hồ và các đình làng Văn Trì, đình Nguyên Xá, đình Ngọc Long thuộc xã Minh Khai, huyện Từ Liêm. Tương truyền trong một lần đi dẹp giặc ở phía Nam vào năm 1020, thái tử Phật Mã (sau này là

vua Lý Thái Tông) có nghỉ ở đền núi Đồng Cổ thuộc làng Đan Nê (nay thuộc xã Yên Thọ, huyện Yên Định, Thanh Hoá) và được thần báo mộng xin đi theo quân để trừ giặc. Lần đó thái tử thắng trận, khi trở về đã đến núi Đồng Cổ làm lễ tạ.

Tám năm sau đó, trước ngày vua Lý Thái Tổ băng hà, thái tử Phật Mã lại được thần Đồng Cổ báo mộng rằng có ba vương sẽ nổi loạn. Quả nhiên sáng hôm sau, Thái Tổ vừa băng hà, ba hoàng tử tức ba vương: Vũ Đức Vương, Dục Thánh Vương và Đông Chính Vương đã đưa quân vào Cẩm Thành toan đánh úp Phật Mã để cướp ngôi. Thái tử do có phòng bị trước, lại được các tướng Lê Phụng Hiếu, Lê Nhân Nghĩa ủng hộ nên dẹp được cuộc nổi loạn này. Mười ngày sau khi lên ngôi, vua cho xây ngay một ngôi đền thờ thần Đồng Cổ ở bên phải hoàng thành phía sau chùa Thánh Thọ và quyết định lấy ngày 25 cùng tháng tiến hành hội thề tại đó. Về sau vì trùng với ngày kỵ của một vị vua đời Lý nên hội thề chuyển sang ngày 4 tháng 4 và suốt đời Lý giữ lệ ấy. Sang đời Trần cũng vẫn giữ lệ này.

Bảo Ninh Vương là vị thần nào? Được thờ ở đâu trong địa bàn Hà Nội?



Bảo Ninh Vương là một học trò của Chu Văn An, con vua Thuỷ Tề. Để giúp dân thoát khỏi mối lo vì trời đại hạn, đồng ruộng khô nẻ, lúa cháy, Bảo Ninh Vương đã làm trái lệnh thiên đình, ông lấy hai nghiên mực, một màu đen, một màu đỏ và một cây bút rồi chấm mực vẩy lên trời. Lát sau mây kéo đến, sấm chớp âm âm và một trận mưa như trút đổ xuống. Bất ngờ giữa cơn mưa có một tiếng sét rất lớn vang động cả đất trời. Những cánh đồng no nước, lúa khắp vùng đã được cứu sống. Sáng hôm sau, người ta thấy xác một con thuồng luồng bị sét đánh chết nổi trên mặt đầm. Chu Văn An và các môn sinh biết rằng người học trò của mình, người bạn của mình đã hi sinh bản thân để

làm mưa giúp dân. Thầy Chu Văn An vô cùng thương tiếc nên đã cùng các môn sinh và dân làng vớt xác thường luồng, làm lễ an táng chu đáo. Hằng năm, vào ngày 6 tháng 2, nhân dân các làng Bằng Liệt, Tứ Kỳ, Pháp Vân, Linh Đàm thuộc xã Hoàng Liệt; làng Đại Từ, phường Đại Kim quận Hoàng Mai; làng Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì; làng Lê Xá, xã Hữu Hoà, huyện Thanh Trì tổ chức lễ rước và hội tế tại Miếu Gàn. Lễ vật cổ tam sinh còn có lễ cá chép đánh bắt từ đầm.

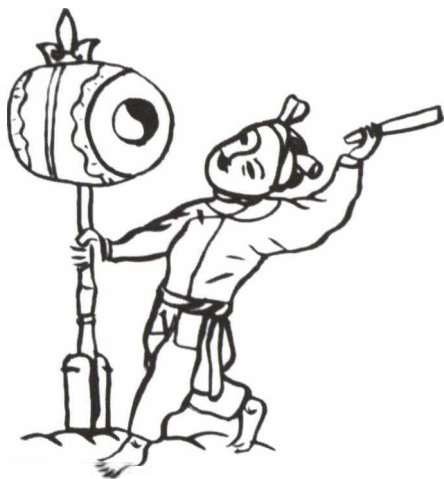
Bắc cung hoàng hậu Lê Ngọc Hân được nhân dân Hà Nội thờ phụng ở đâu?

Lê Ngọc Hân là con thứ chín của vua Lê Hiến Tông. Mẹ bà là Chiêu Nghi Nguyễn Thị Huyền, người Phù Ninh - Bắc Ninh. Năm 1786, Nguyễn Huệ ra Bắc "phù Lê diệt Trịnh". Diệt xong họ Trịnh, Nguyễn Huệ tới yết kiến vua Hiến Tông. Ngọc Hân vâng mệnh vua cha kết duyên cùng Nguyễn Huệ. Khi đó bà mới 16 tuổi, còn Nguyễn Huệ 34 tuổi. Ít lâu sau bà theo Nguyễn Huệ về Thuận Hoá. Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi

hoàng đế trước khi ra Bắc lần thứ ba để diệt quân Thanh, lấy niên hiệu Quang Trung, phong Ngọc Hân làm Hữu cung Hoàng hậu. Năm 1789, sau khi đại thắng quân Thanh, Nguyễn Huệ lại phong bà làm Bắc cung Hoàng hậu. Năm 1792, hoàng đế Quang Trung đột ngột băng hà, bà viết *Văn tế vua Quang Trung và Ai Tư Văn* để bày tỏ nỗi đau khổ cùng cực cũng như nỗi tiếc thương vô hạn với người chồng anh hùng vẫn sống. Bà gượng sống đến ngày mùng 8 tháng 11 năm Kỷ Mùi (4-12-1799) thì mất, lúc đó mới 29 tuổi. Dân làng Ái Mộ, xã Bồ Đề, huyện Gia Lâm (nay là phường Bồ Đề, quận Long Biên) đã xây đền thờ và hoàng hậu Lê Ngọc Hân trở thành Thần chủ ngôi đền. Đền đó là đền Ghềnh, tên chữ là "Thiên Quang linh tự" dựng bên bờ sông Hồng. Trong đền có tượng Ngọc Hân, được dân gian hoá là Mẫu Thoải, hai bên hậu cung là tứ vị thánh châu. Đền Ghềnh xưa nay nổi tiếng linh thiêng, quanh năm thiện nam tín nữ ở khắp nơi đến cầu cúng rất đông.

Lễ hội nào ở Hà Nội tưởng nhớ tới người anh hùng áo vải Quang Trung - Nguyễn Huệ?

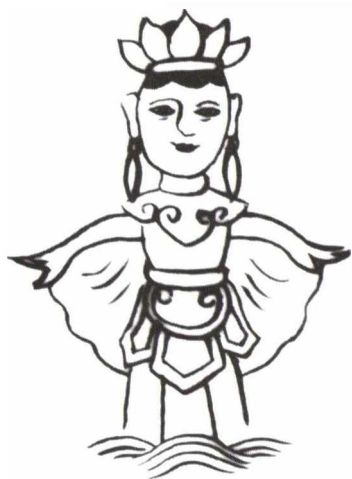
Đó là hội Gò Đống Đa, được tổ chức vào mừng 5 tháng Giêng hằng năm ngay trên vùng chiến địa cũ, nơi còn lại là một cái gò chôn xác giặc (gò Đống Đa). Dưới triều Nguyễn, do bị triều đình ngăn cấm ca ngợi quân Tây Sơn nên nhân dân phải gọi là ngày giỗ trận. Giỗ trận là giỗ các liệt sĩ đã hi sinh vì nước nhưng cũng có nghĩa là cúng siêu độ cho cả những vong hồn lính



Thanh đã phải gửi xác lại trong 13 cái gò ở vùng Khương Thượng. Ngày nay, hội Đống Đa được tổ chức trọng thể và tưng bừng để tưởng nhớ tới người anh hùng áo vải Quang Trung và cuộc chiến thần tốc đại phá 20 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long vào Tết Kỷ Dậu (1789). Trong hội, xưa có tục rước rồng lửa, rồng bện bằng rơm dầu đốt, nhắc lại trận đánh phối hợp của nhân dân 9 làng, xã quanh đồn Đống Đa đã dùng rơm bện thành bụi nhùi tẩm dầu đốt (tục gọi là rồng lửa) và các ống hỏa hổ (một loại súng phun lửa) của quân Tây Sơn, tạo thành "trận rồng lửa" bao vây đồn giặc, làm chúng khiếp vía kinh hoàng.

Làng nào ở Hà Nội nổi tiếng với trò múa rối nước?

Xưa kia, ngay từ thời Lý, múa rối nước đã được các nghệ nhân biểu diễn hết sức sinh động, hấp dẫn với những tiết mục như Rùa vàng đội núi, Thần tiên xuất hiện, Chim quý... Múa rối nước là trò vui dân gian không chỉ dành cho giới bình dân mà

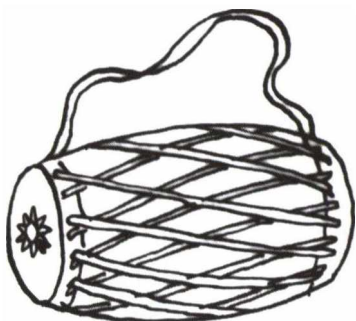


còn để các vị vua ngự lãm. Ở Hà Nội, làng Đào Thục (Đông Anh) có phường múa rối nổi tiếng. Theo lời kể, phường múa rối của làng đã có từ rất lâu đời và dù trải qua rất nhiều thăng trầm nhưng ngày nay đã phục hồi và phát triển, không chỉ phục vụ khán giả trong nước mà còn đi biểu diễn tại nước ngoài. Ông tổ truyền nghề múa rối nước cho làng Đào Thục chính là Nguyễn Đăng Vinh (tự Phúc Thiêm), làm đến chức nội giám thời vua Lê Ý Tông (1735-1740).

Hội làng nào của Hà Nội diễn trò chiềng thờ Công - Nông - Sĩ?

Đó là hội làng Văn Sa (xã Tản Hồng, huyện Ba Vì), mở hội vào ngày mùng 5 tháng Giêng. Hội có tục diễn trò chiềng. Làng có 12 giáp, mỗi giáp tuyển chọn và góp một đội múa. Dẫn đầu đội là một người mang né kén lớn đan bằng tre, có điểm chút lá dâu làm bằng lụa, kén bằng gỗ xoan, gọt dẻo nhẵn, có lỗ buộc vào dây né. Một cô gái mặc áo tơ, cắp rổ lá dâu đi sau, né kén múa lượn tới đâu, lá dâu rắc đến đó. Tiếp theo là điệu múa hai nông dân cầm cày, vác cuốc, dong trâu đan bằng tre nửa, cái nia uốn cong làm mình trâu, đuôi trâu là chiếc mo cau. Đi cuối là một thầy đồ, khăn xếp, áo the, quần trắng, bút lông cài mang tai, khi múa hát trở thành đạo cụ. Múa thờ Công - Nông - Sĩ xong chuyển thành đám rước lên đê. Mọi người xúm quanh một dàn cao mới dựng, các né kén được đưa lên và các cô gái đổ mạnh xuống mặt sàn gỗ làm cho các con kén văng ra. Mọi người tranh cướp, ai được kén là điềm may, năm ấy nuôi tằm sẽ được thuận lợi.

Hội đèn Đồng Nhân diễn ra trong thời gian nào? Có những hoạt động gì?



Hội đèn Đồng Nhân được tổ chức để tưởng nhớ công lao dẹp giặc, cứu nước của Hai Bà Trưng (đền Đồng Nhân thuộc phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Hội chính mở vào ngày 6 tháng 2 Âm lịch. Trước kia, từ ngày 4 tháng 2, dân làng bắt đầu tế lễ nhập tịch, mừng 5 làm lễ rước nước. Mừng 6 tế lễ chạy. Mừng 7 lễ xôi thủ. Mừng 8 mỗi giáp góp một lợn tế. Theo tục cổ, việc dâng cúng trong hậu cung đều do các lão bà làm. Khi rước kiệu ra sông lấy nước, các thôn hai bên đường đều bày hương án bái vọng. Sau tế có đoàn vũ

công múa đèn theo nhịp trống của điệu múa bông. Trên cây đa ở sân đền có treo những đôi hài giấy và những bó hương cúng người hầu cận của Hai Bà.

Ngạn ngữ cổ Bắc Bộ có câu “Nhất hội Hương Tích, nhì hội Phù Giày, vui thì vui vậy chẳng tày cái hội đánh cá làng Me”. Lễ hội làng Me được nhắc đến tổ chức ở đâu và diễn ra thế nào?

Cách thị xã Sơn Tây khoảng 5km, làng Me có tục đánh cá vào sáng mùng 4 tháng 2 Âm lịch. Trước đình, có một cái ao lớn, vòng hai bên khu đất làm đình kiểu hình chữ “môn”. Dân làng nuôi cá trong ao, đủ các loại từ mè, chép đến trôi, trắm và luôn có người trông nom cẩn thận, không cho ai được bắt cá ở ao này trước khi làng vào đám. Mỗi năm, chỉ được bắt cá một lần vào dịp lễ hội để tế thần. Quang cảnh hội đánh cá vô cùng tung bừng và náo nhiệt. Mọi người dùng nơm, đò và nghe hiệu lệnh cùng nhảy xuống ao thi nhau bắt cá. Chấm dứt cuộc thi, mọi người mang cá lên bờ để các chức sắc và bô lão chấm giải. Người bắt được nhiều thì được

thưởng tiền. Người bắt được ít thì bị phạt, phải mang cá về nhà nướng cho kịp tế thần. Sau buổi tế, cá được chia cho dân làng.

Ngày trước làng nào ở Hà Nội nổi tiếng về các loại rau thơm?

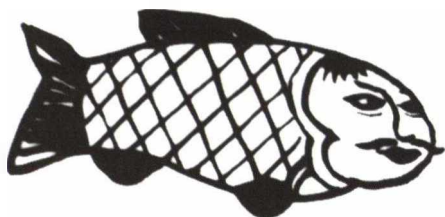
Làng Láng - tên nôm của làng Yên Lãng, là một làng cổ ven thành Thăng Long vốn nổi danh về các loại rau thơm. Có câu ca xưa viết rằng:

*“Đi đâu mà chẳng biết ta
Ta ở kẻ Láng vốn nhà trồng rau
Rau thơm, rau húng, rau mùi
Thì là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.
Mồngơi, mướp đắng, ớt, cà
Bí đao, đậu ván vốn nhà trồng nên...”*

Chỉ qua câu ca dao trên chúng ta đã thấy làng Láng trồng rất nhiều loại rau, từ rau thơm, rau húng, rau mùi đến thì là, cải cúc, hành hoa, mồngơi, mướp đắng, ớt, cà, bí đao, đậu ván... Tuy trồng được nhiều thứ rau nhưng làng Láng nổi tiếng nhất vẫn là húng và hành hoa. Trong đó, húng Láng là thứ rau thơm ngon đã trở thành thương

hiệu. Nhưng từ năm 2008, do quy hoạch đô thị, đất vốn dành để trồng rau thơm chuyển thành đất để xây dựng. Làng Láng không còn trồng húng nữa.

Con cá lăng của vùng Việt Trì làm nên món ăn nổi tiếng nào của Hà Nội?



Cá lăng Việt Trì đã trở thành nguyên liệu chính của món chả cá nổi tiếng Hà Nội. Món chả cá được coi là sáng tạo ẩm thực của gia tộc họ Đoàn gốc xứ Đông. Cùng với bún, lạc rang, thì là, hành hoa, mắm tôm và không thể thiếu được tinh dầu cà cuống, con cá lăng của vùng Việt đã làm nên món ăn ngon đặc trưng của người Hà Nội là chả cá Lã Vọng. Phố Hàng Sơn trước kia đã được đổi

thành phố Chả Cá (nơi có quán bán món chả cá của gia đình họ Đoàn trước kia). Chả cá Lã Vọng là một trong những món đặc sản có một không hai của người Hà Nội.

Gạo tám nổi tiếng của Hà Nội gắn với tên làng nào?

Gạo tám của làng Mễ Trì, huyện Từ Liêm từ xưa đã đi vào tục ngữ, ca dao:

“Mễ Trì thơm gạo tám xoan,

Dự hương, dé cánh thóc vàng như tơ.”

Làng Mễ Trì có rất nhiều loại gạo nổi tiếng như tám xoan, dự hương, dé cánh... nhưng gạo tám thơm là thứ gạo đứng đầu, ngày xưa từng được đem tiến vua nên còn có tên là “gạo tiến”, “gạo ngự”, được liệt vào loại đặc sản nổi tiếng của đất Kinh đô.

Trong một lần về thăm Mễ Trì, Bác Hồ đã khen nhân dân ở đây cần cù lao động, làm tốt công tác chống hạn và ứng khẩu thành câu văn vắn:

“Bây giờ đổ giọt mồ hôi,

Sau này gạo trắng đầy nôi cơm ngon.”

Nổi tiếng về nghề bắt rắn và chế biến đặc sản thịt rắn là làng nào của Hà Nội?



Đó là làng Lệ Mật, một làng quê thuộc phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Làng nổi tiếng về nghề bắt rắn và chế biến đặc sản thịt rắn. Nghề này của làng tương truyền có từ rất lâu đời. Hiện nay trong làng có hàng trăm hộ nuôi rắn, hàng chục nhà hàng đặc sản rắn và có nhiều hoạt động văn hoá nghệ thuật về rắn được tổ chức rầm rộ hàng năm. Lệ Mật được đánh giá là trung tâm giao dịch về rắn của toàn miền Bắc, đồng thời là làng rắn nổi tiếng ở Việt Nam và trên thế giới. Thành hoàng làng của Lệ Mật là Hoàng Đức Trung. Ông có công với vua Lý Thánh Tông, ngoài ra còn là người khai khẩn vùng đất phía tây kinh thành Thăng

Long, quy tụ dân cư lập thành 13 trại (còn gọi là Thập tam trại).

Món ăn nổi tiếng của làng đúc đồng Ngũ Xã - Hà Nội?

Những năm cuối thế kỉ 20, làng đúc đồng Ngũ Xã chịu ảnh hưởng của quá trình đô thị hoá, nghề đúc đồng truyền thống bị thu hẹp, thay vào đó là khu phố mới với nhiều dịch vụ ẩm thực nổi tiếng của Hà Nội, đặc biệt là món phở cuốn, một món ăn mới, lạ mắt, lạ tai, chỉ duy nhất có ở Hà Nội hiện nay. Cách làm phở cuốn không quá phức tạp: thịt bò, bánh phở, rau thơm... cuốn lại như nem, ăn kèm với nước chấm. Món ăn này thu hút nhiều nam nữ thanh niên và du khách trong nước cũng như nước ngoài đến thưởng thức.

Đậu phụ ngon nổi tiếng của Hà Nội có tên gọi là đậu gì?

Đó là đậu Mơ. Đặc biệt đậu Mơ được làm tại làng Mai Động, nay thuộc quận Hoàng Mai, Hà Nội được cho là ngon hơn cả. Tuy

đậu được làm tại làng Mai Động nhưng làng này vốn thuộc Kẻ Mơ (gồm: Hoàng Mai (nấu rượu), Tương Mai (thối xôi ngô), Mai Động (làm đậu)...) nên mới có tên là đậu Mơ. Tuy cách chế biến đậu khá cầu kì nhưng nó vẫn được coi là món ăn dân dã, có mặt trong bữa ăn hằng ngày và trở thành đặc sản của đất Hà Thành. Đậu rim ăn với cháo hoa và đậu rán vàng ăn với bánh cuốn Thanh Trì là những món rất được ưa chuộng, đã đi vào văn học, thơ ca:

*"Đậu Mơ chấm với mắm tôm
Ăn xong buổi sáng đến hôm lại thèm
Tại sao anh lấy được em
Vì mê Mai Động vì thèm đậu Mơ"*

Vào thời Trần, sứ giả nhà Nguyên là Trần Phu khi đến Thăng Long đã ghi lại một tập quán của người Hà Nội xưa, đó là tập quán gì?

Đó là tục ăn trầu, "người sang dùng ống nhỏ bằng đồng có thẳng nhỏ mang kè kè



theo bên cạnh, cả ngày tóp tép nhai trầu không ngót miệng". Cũng là miếng trầu, nhưng người Hà Nội lại cắt lá trầu để tằm cách điệu thành hai cánh phượng, quả cau chỉ tước vỏ một nửa, tiện chũm, bổ tư, bổ sáu rồi úp vào nhau, đặt trong cối đồng bóng sáng lộn. Trong bộ đồ ăn trầu còn có chiếc ống nhỏ bằng đồng thau đựng quét trầu. Miếng trầu không chỉ đơn giản là thú ăn chơi bởi khi ăn trầu có mùi thơm, trừ được vi khuẩn trong miệng. Miếng trầu còn đi đôi với lời chào hỏi, tượng trưng cho tình yêu chung thủy lứa đôi. Trong các đám đám ngõ, ăn hỏi cho đến cưới xin đều không thể thiếu miếng trầu. Bởi vậy người xưa mới có câu "Miếng trầu là đầu câu chuyện".

Trong “Dư địa chí”, Nguyễn Trãi đã chép tới những phường, nghề thủ công nào ở thành Thăng Long?

Trong cuốn *Dư địa chí*, cuốn sách địa lí của Việt Nam thời xưa do Nguyễn Trãi soạn năm 1435 có nhắc đến:

Phường Hàng Đào: nhuộm điều.

Phường Tàng Kiếm: làm kiếm, áo giáp.

Phường Yên Thái: làm giấy.

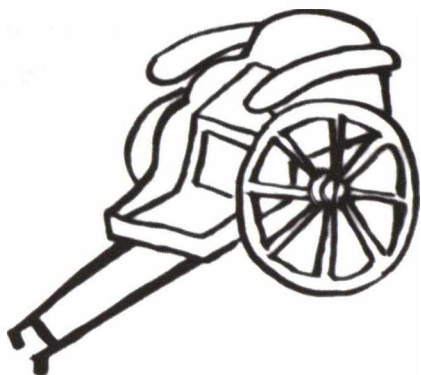
Phường Thụy Chương, Nghi Tàm: dệt vải lụa.

Phường Hà Tân: nung đá vôi.

Phường Tả Nhất: làm quạt.

Phố Hàng Bạc ngày trước có ba nghề khác nhau. Đó là những nghề gì?

Đó là nghề đúc bạc nén, nghề kim hoàn và nghề đổi tiền. Tương truyền vào đời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) có ông Lưu Xuân Tín, người làng Trâu Khê (nay thuộc huyện Bình Giang, Hải Dương), là Thượng thư bộ lại, được vua cho phép lập một xưởng đúc bạc nén ở kinh thành. Ông Tín đã đưa



người làng ra làm nghề đúc bạc ở đây. Ngoài nghề đúc bạc, người ở phố Hàng Bạc còn làm cả nghề đổi tiền, đổi bạc. Nguyên do là thời xưa, dân ta chưa dùng tiền giấy mà chỉ dùng tiền đồng, tiền kẽm, bạc vụn, bạc nén. Nếu cần chi một khoản lớn mà dùng tiền đồng, tiền kẽm hoặc bạc vụn thì rất nặng nề và lách kích. Ngược lại, nếu cần chi tiêu nhỏ mà trong tay chỉ có bạc nén thì cũng rất khó khăn. Chính vì vậy mà người ta phải lên Hàng Bạc để đổi.

Phố Hàng Bạc còn có nghề liên quan đến bạc vàng là nghề kim hoàn. Nghề kim hoàn lại gồm ba nhóm khác nhau: nghề chạm (chạm trổ những hình vẽ, hoa văn trên các

đồ trang sức hay đồ dùng bằng vàng bạc), nghề đập (kéo vàng bạc đã nung chảy thành những sợi chỉ rồi chuyển thành hình hoa lá, chim muông gắn vào đồ trang sức), nghề trơn (làm những đồ vàng bạc không cần chạm trổ, chỉ “cườm” cho nhẵn bóng trơn tru).

Câu “Nhất Trí, nhì Lân, tam Vân, tứ Cẩn” được truyền tụng trong giới họa sĩ Hà Thành và cả Việt Nam những năm 20 của thế kỉ ngụ ý nhắc đến những ai?

Năm 1925, Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương tuyển khoá chính thức đầu tiên. Jongchère - một trong những quản đốc trường tuyên bố: “Chỉ đào tạo cho Đông Dương những người thợ mĩ nghệ chứ không phải để thành nghệ sĩ”. Nhưng Trường Cao đẳng Mĩ thuật Đông Dương vẫn thực sự trở thành mốc mở đầu cho nền mĩ thuật mới của Việt Nam. Trong những năm đó, câu truyền miệng “Nhất Trí, nhì Lân, tam Vân, tứ Cẩn” trong giới họa sĩ là để nhắc tới 4 sinh viên Trường Mĩ thuật Đông Dương và cũng là 4 họa sĩ trẻ tài danh của đất Hà

Thành: Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Lân,
Tô Ngọc Vân và Trần Văn Cẩn.

**Một làng của Thăng Long nổi tiếng với
nghề làm thuốc nam. Đó là làng nào?**



Đó là làng Đại Yên, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình. Theo nhiều tài liệu, nghề thuốc nam Đại Yên ra đời từ thời Lý. Có những gia đình trong làng gần chục đời cha truyền con nối làm nghề này. Hầu hết các cây thuốc nam ở đây được trồng vào mùa xuân. Cây thuốc khá đa dạng, từ những loại ngắn ngày, thông dụng như bạc hà, nhọ nồi, gừng, chút chút, mơ tam thể, thảo

dây... đến những cây lâu năm như đại, thị, tre... Không chỉ trồng, người Đại Yên còn thực hiện tất cả các khâu tiếp theo: thu hái, chế biến, bảo quản, phân phối đến người tiêu dùng. Tương truyền Ngọc Hoa công chúa chính là tổ nghề, người đem thuốc nam phổ biến cho dân làng. Để tưởng nhớ công lao ấy người dân đã tôn bà là thành hoàng làng.

Gánh xiếc đầu tiên ở Hà Nội gắn liền với tên tuổi của ai?

Tiền thân của Liên đoàn Xiếc Việt Nam chính là gánh xiếc tư của gia đình ông Tạ Duy Hiển. Đây cũng là gánh xiếc đầu tiên ở Hà Nội và miền Bắc.

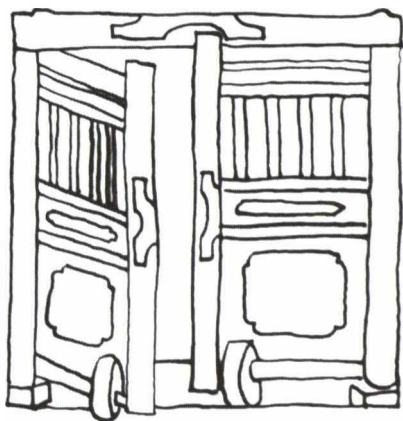
Tạ Duy Hiển là nhà dạy thú kiêm người sáng lập ra ngành xiếc Việt Nam hiện đại. Ông sinh tại phố Cầu Đất, Hà Nội, quê ở xã Quảng Minh, huyện Thanh Trì. Năm 1922, ông thành lập Gánh xiếc Việt Nam mà thành viên là các con cháu trong gia đình họ Tạ.

Ngày 5-12-1922, Gánh xiếc Việt Nam với đủ các tiết mục xiếc người, thú, nhào lộn...

đã trang trọng ra mắt công chúng Hà Nội tại rạp hát chợ Hàng Da và gây được tiếng vang lớn. Kể từ khi đó, gánh xiếc Tạ Duy Hiến đã kích thích sự ra đời của nhiều đoàn xiếc trong cả nước.

Năm 1959, ông trở thành trưởng Đoàn xiếc Nhân dân Trung ương (tiền thân là Liên đoàn Xiếc Việt Nam hiện nay). Dưới sự dìu dắt của ông, nhiều nghệ sĩ xiếc đã trưởng thành.

Hội chợ đầu tiên của Hà Nội được tổ chức khi nào?



Trước khi có hội chợ, ở Hà Nội thời Pháp thuộc đã từng có những cuộc triển lãm như Triển lãm kĩ nghệ (1887), Triển lãm Hà Nội (1902)... Sau khi một loạt hội chợ ở các tỉnh được khai trương như Hội chợ Cầu Đơ - Hà Đông (1903), Hội chợ Nam Định (1904), Hội chợ Từ Sơn (1904)... mãi tới tận năm 1918, một Ủy ban Hội chợ ở Hà Nội mới được thành lập.

Hội chợ đầu tiên của Hà Nội được tổ chức từ ngày 15 đến ngày 31 tháng 12 năm 1918 tại khu vực Đấu Xảo cạnh đại lộ Gambetta và ga xe lửa (nay là khu Cung Văn hoá Lao động Hữu nghị Việt Xô).

THẮNG LONG

QUY CHIẾU
RA THẾ GIỚI

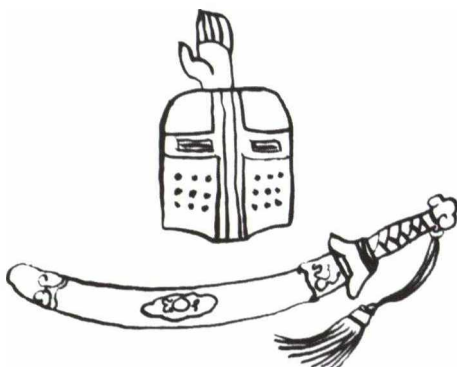


Năm 1396

+ Phát hành tiền giấy “Thông Bảo Hội Sao”, loại tiền giấy đầu tiên ở nước ta.

+ Tây Ban Nha xảy ra binh biến, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

+ Trận chiến Nicopolis nổ ra, được xem là cuộc Thập tự chinh lớn cuối cùng của thời Trung cổ. Trong trận này, quân Thập tự chinh đại bại trước quân Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ).



+ Pháp chinh phục Cộng hoà Genoa.

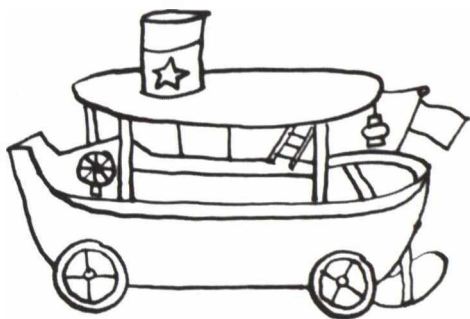
+ Trường Đại học Zadar (Croatia) được thành lập, đây là trường đại học lâu đời nhất đông nam châu Âu với tuổi thọ hơn 600 năm.

Năm 1397

+ Thành Thăng Long đổi tên thành Đông Đô.

+ Triều Tiên lần đầu tiên có chế độ quan ngự y là nữ.

+ Liên minh Kalmar được thành lập. Đây

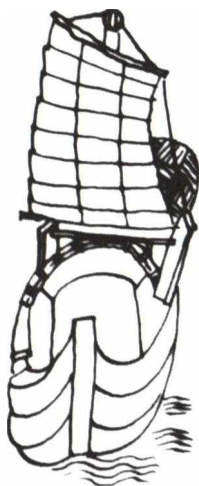


là liên minh giữa 3 vương quốc Đan Mạch, Na Uy và Thụy Điển dưới quyền cai trị của một nữ hoàng duy nhất là Margaret I.

+ Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương,

vị hoàng đế khai quốc của vương triều nhà Minh trong lịch sử Trung Quốc, cho ban hành bộ hình luật *Đại Minh luật cáo*.

Năm 1407



+ Quân Minh chiếm được thành Đông Đô. Nhà Minh đổi nước ta thành quận Giao Chỉ. Thành Đông Đô đổi là Đông Quan. Sông Tô Lịch đổi là sông Lai Tô.

+ Tử Cấm Thành (một công trình kiến trúc nổi tiếng thế giới của Trung Quốc) được xây dựng ở Bắc Kinh.

Năm 1426

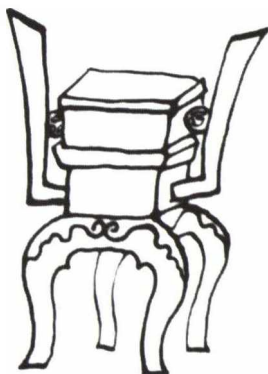
+ Một trong tứ đại khí của Việt Nam đặt tại Thăng Long là chuông Quy Điền bị nhà Minh phá huỷ.

+ Triều Tiên lập kinh đô ở Seoul.

+ Gia tộc Orsini xây dựng lâu đài Orsini Odescalchi tại Bracciano, Italia. Đây là một trong những lâu đài đẹp nhất Châu Âu.

Năm 1427

+ Lê Lợi cùng Vương Thông (tướng nhà Minh, Trung Quốc) tổ chức hội thề ở phía nam thành Đông Quan. Vương Thông thề rút hết quân về nước trong tháng chạp, từ nay không xâm lược nước ta.



+ Đời vua Minh Thành Tổ (tên Chu Lệ, con trai của Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương) dời đô từ Nam Kinh đến Bắc Bình, đổi tên Bắc Bình thành Bắc Kinh.

+ Diogo de Silves - một hoa tiêu Bồ Đào Nha, phát hiện ra bảy hòn đảo của quần đảo Azores.

+ Thành phố Bhaktapur ở Nepal được vua Yaksa Malla cho xây dựng.

+ Năm mất của Cù Hựu, nhà văn nổi tiếng cuối thời Nguyên đầu thời Minh.

Năm 1428

+ Thành Đông Quan được trở lại tên gọi cũ là Đông Đô.

+ Một vụ cháy nghiêm trọng xảy ra ở lâu đài Baynard, Luân Đôn. Đây là một trong những lâu đài nổi tiếng thời Trung cổ của Anh.



+ Người Aztec (một đế chế hùng mạnh trong khu vực của Mexico) thống nhất ba thành bang lớn mạnh là Tenochtitlan, Texcoco, Tlacopan và mở rộng chiến dịch chinh phục các thành bang khác ở thung lũng Mexico, miền trung và nam Mexico. Người Aztec chọn Tenochtitlan làm thủ đô. Tại mỗi nơi chinh phục được, họ đều đặt hệ thống quản lí chính trị, hành chính, kinh tế và tôn giáo theo dạng "tỉnh" trực thuộc.

Năm 1430

+ Lê Thái Tổ lại cho đổi tên Đông Đô thành Đông Kinh (đồng thời thành Tây Đô cũng được đổi là Tây Kinh).

+ Thánh nữ Jeanne xứ Arc, một nữ anh hùng Pháp nổi tiếng trong cuộc Chiến tranh Trăm năm giữa Pháp và Anh, bị quân Anh và Burgundy bắt giữ, giam cầm.

+ Đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) đánh chiếm Thessaloniki. Đây là thành phố đầu tiên của Hi Lạp bị người Ottoman chinh phục.

+ Poker - trò chơi bài ra đời. Hồi đó các lá

bài được làm thủ công, có kích thước nhỏ nhất là 190×120 mm. Một bộ bài gồm 52 quân.

Năm 1435

+ Nguyễn Trãi viết *Dư địa chí*, cuốn sách về địa lí của Việt Nam, là một tác phẩm khoa học chống lại mưu đồ thôn tính đất nước Việt Nam, đồng hoá dân tộc Việt.



+ Tây Ban Nha ép người Do Thái phải theo Cơ đốc giáo.

+ Đế quốc Byzantine (hay còn gọi là đế quốc Đông La Mã) bị đế quốc Ottoman tiêu diệt.

Năm 1479

+ Ngô Sĩ Liên biên soạn xong bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* gồm 15 quyển.

+ Hiệp ước Istanbul giữa đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) và Cộng hoà Venice. Theo đó Venice sẽ phải nhượng Argo, Negroponte, Lemnos, Scutari, và hằng năm phải cống vàng.

+ Bồ Đào Nha trục xuất người Do Thái vì không chịu theo đạo Cơ Đốc.

+ Quân Pháp của vua Louis XI đến xâm lược Hà Lan bị đánh bại bởi quân của Maximilian (thái tử Áo).

+ Quân Hungary, dẫn đầu bởi Pál Kinizsi và István Báthori, đánh bại quân Ottoman ở Transylvania, Hungary.

+ Nhà thám hiểm nổi tiếng Christopher Columbus nên duyên cùng Felipa Perestrelo Moniz - con gái một trong các thuyền trưởng của hoàng tử Henry. Nhờ mối nhân duyên này, Christopher có được bộ sưu tập các bản đồ của cha vợ, đồng thời có cơ hội giao du với các nhân vật quan trọng.

+ Ngọn hải đăng Alexandria (một kì

quan thế giới cổ đại, bị sụp đổ trong một trận động đất vào năm 1303) được thay bằng pháo đài Qait Bey. Tháp trung tâm của pháo đài được xây dựng trên nền móng của Hải đăng. Phần lớn nguyên vật liệu để xây pháo đài đều lấy từ Hải đăng.

Năm 1511

+ Tổng tài Quốc sử quán Vũ Quỳnh biên soạn xong bộ *Đại Việt thông giám* từ đời Hồng Bàng đến Lê Thái Tổ, gồm 26 quyển.

+ Vương quốc Malacca (một quốc gia cũ tại Đông Nam Á, chịu ảnh hưởng Hồi giáo) bị người Bồ Đào Nha xâm chiếm.

+ Cuba trở thành thuộc địa của Tây Ban Nha. Chế độ thuộc địa này kéo dài suốt 387 năm.

+ Năm sinh của Giorgio Vasari (người Italia), một trong những họa sĩ kiêm kiến trúc sư nổi tiếng thời kì Phục hưng.

Năm 1781

+ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đến Thăng Long chữa bệnh cho thế tử Trịnh

Cán. Ông viết *Thượng kinh kí sự* (ghi chép những điều trông thấy ở kinh đô). Nhiều nhà nghiên cứu coi đây là một tác phẩm văn học có giá trị về Thăng Long đời chúa Trịnh.

+ Carl Wilhelm Scheele phát hiện ra Vonfram.

+ Nhà thiên văn học người Anh gốc Đức William Herschel đã phát hiện ra một "ngôi sao lạ" bên cạnh sao H. Geminorum. Herschel thực sự phát hiện thêm "một hành tinh mới", chính là Sao Thiên Vương ngày nay.

+ Nhà triết học người Đức Immanuel Kant xuất bản cuốn sách *Phê phán lí tính thuần túy*, được xem là một trong những công trình có ảnh hưởng nhất trong lịch sử triết học.

Năm 1789

+ Quang Trung - Nguyễn Huệ đại thắng quân Thanh.

+ George Washington được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Quốc vụ viện của Hoa Kỳ cũng được thành lập trong năm này.

+ Cách mạng Pháp diễn ra. Đây là một sự kiện quan trọng trong lịch sử nước Pháp, xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế.

Năm 1831

+ Tên gọi Hà Nội chính thức xuất hiện khi vua Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính chia đặt các tỉnh của vùng đất thuộc Đàng Ngoài cũ.

+ Tuyên bố chế độ Cộng hoà Tây Ban Nha sau thắng lợi của những người Cộng hoà trong cuộc bầu cử 1831, vua Alphonse XIII phải dời đất nước.

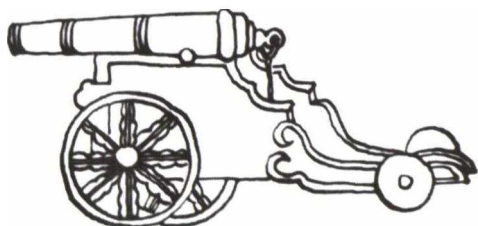
+ Cấm buôn bán nô lệ tại Brazil.

+ Darwin - nhà bác học nổi tiếng người Anh, được giới thiệu lên con tàu khảo sát Beagle, với tư cách "nhà tự nhiên học" thực tập, bắt đầu chuyến thám hiểm khoa học vòng quanh thế giới.

+ Đại văn hào Pháp Victor Hugo lần đầu tiên xuất bản tiểu thuyết *Thằng gù nhà thờ Đức Bà*.

+ Michael Faraday - nhà vật lí người Anh nêu lên thuyết về cảm ứng điện từ.

Năm 1873



+ Tổng đốc Nguyễn Tri Phương ra lời hiệu triệu toàn dân, toàn quân Hà Nội chống Pháp.

+ Bác sĩ người Na Uy Gerhard Armauer Hansen khám phá ra vi khuẩn gây bệnh phong và người ta lấy tên ông để đặt tên cho vi khuẩn đó.

+ Lần đầu tiên môn cầu lông xuất hiện ở Anh tại một buổi tiệc do Công tước Beaufort tổ chức ở Badminton, Gloucestershire. Từ đó, môn này được gọi là "badminton".

+ Pinckney Pinchback trở thành người da đen đầu tiên giữ chức thống đốc bang ở Mỹ.

+ Budapest (thành phố lớn nhất Hungary) được hợp nhất từ 3 thành phố là Pest, Buda và Óbuda.

+ Đảo Hoàng tử Edward sáp nhập vào Canada.

+ Tiểu thuyết phiêu lưu nổi tiếng *Tám mươi ngày vòng quanh thế giới* của nhà văn Pháp Jules Verne được xuất bản lần đầu tiên.

Năm 1907

+ Trường Đông Kinh Nghĩa Thục được các sĩ phu yêu nước, tiến bộ lập ra vào tháng 3 năm 1907 ở phố Hàng Đào, Hà Nội, do Lương Văn Can làm hiệu trưởng.

+ Một trận động đất lớn xảy ra ở Kingston, Jamaica làm chết hơn 1.000 người.

+ Tôn Trung Sơn và Hoàng Hưng phát động cuộc khởi nghĩa Trần Nam Quan chống nhà Thanh (Trung Quốc) nhưng thất bại.

+ Cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên trong lịch sử Nga đi đến thời điểm thoái trào.

+ Xe taxi đầu tiên có đồng hồ taxi bắt đầu xuất hiện tại Luân Đôn.

+ New Zealand trở thành lãnh thổ bán tự trị của đế quốc Anh.

+ Vua Gojong của Triều Tiên muốn nhân Hội nghị Hoà bình Thế giới tại Hague cử một nhóm đặc sứ thân tín bí mật sang Hà Lan nhằm vạch trần tội ác của giặc Nhật trên đất Triều Tiên và kêu gọi sự can thiệp của phương Tây. Nhóm đặc sứ tới nơi chưa kịp đệ đơn xin gặp thì phương Tây đã đáp ứng yêu cầu của phía Nhật Bản, từ chối tiếp kiến. Nhật ép Gojong thoái vị.

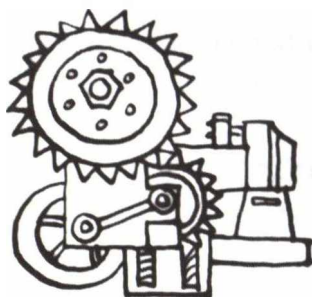
Năm 1926

+ Tỉnh bộ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh Niên Hà Nội được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào dân tộc, dân chủ ở Hà Nội, đưa phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân chuyển mạnh sang khuynh hướng Cách mạng vô sản.

+ Các phi công người Tây Ban Nha đã hoàn thành chuyến bay xuyên Đại Tây Dương với một loại thuỷ phi cơ tên là Plus Ultra.

+ Công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô.

+ Nhà hoá sinh người Mĩ trẻ tuổi Sumner



đã thành công trong việc chứng minh protein được kết tinh từ hạt đậu tương là chất giống enzyme xúc tác cho phản ứng thủy phân urê. Đây cũng chính là enzyme đầu tiên được kết tinh.

+ Viện Quốc tế châu Phi được thành lập tại Luân Đôn.

+ Thổ Nhĩ Kỳ ban hành hiến pháp mới. Phần đầu của dân luật nói ngay về luật lệ gia đình, trong đó có bảy điều bênh vực quyền lợi phụ nữ, bỏ chế độ đa thê, theo chế độ một vợ một chồng. Ngoài ra, phụ nữ cũng có quyền như đàn ông, được thừa kế gia tài.

+ Công ti NBC được thành lập, đi tiên phong trong kĩ thuật phát thanh truyền hình Mĩ và cũng là cây đại thụ lớn trong lịch sử ngành truyền hình thế giới.

+ Nhà hát Shakespeare Memorial ở Anh bị thiêu rụi bởi hoả hoạn.

Năm 1945

+ Tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tổ chức lễ tuyên bố nền độc lập của Việt Nam trước quốc dân và thế giới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*.

+ Chiến tranh thế giới lần thứ hai kết thúc.

+ Mĩ thả hai quả bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản. Nhật đầu hàng quân Đồng Minh và chấm dứt thể chế đế quốc.



+ Chiếc máy tính điện tử đầu tiên của thế giới tên là ENIAC ra đời.

+ Đan Mạch công nhận Iceland độc lập.

+ Phụ nữ ở Guatemala và Nhật Bản có quyền bầu cử.

Năm 1946

+ Tại Hang Trầm, huyện Chương Mỹ, Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), Đài Tiếng Nói Việt Nam đã phát đi *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Nội chiến ở Trung Quốc giữa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc.

+ Hàn Quốc và Nhật Bản lần đầu tiên có nữ cảnh sát.

+ Phụ nữ ở Bỉ, Rumani, Nam Tư, Argentina và tỉnh Quebec của Canada có quyền bầu cử.

+ Ít nhất có 1.362 người chết trong một trận động đất và sóng thần lớn ở Nhật Bản.

+ Thực dân Hà Lan công nhận Indonesia độc lập.

+ Singapore trở thành thuộc địa của Vương quốc Anh.

+ Các nước Afghanistan, Iceland, Thụy Điển và Siam (tức Xiêm La, đổi tên thành Thái Lan vào năm 1949) gia nhập Liên Hiệp Quốc.

+ Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc (UNICEF) được thành lập.

+ Ngân hàng Quốc tế về Tái thiết và Phát triển (IBRD) bắt đầu hoạt động.

+ Italia đã lập ra một hội đồng khoa học đầu tiên chuyên trách về điện hạt nhân và cũng là nước tiên phong trong sử dụng điện hạt nhân dân sự.

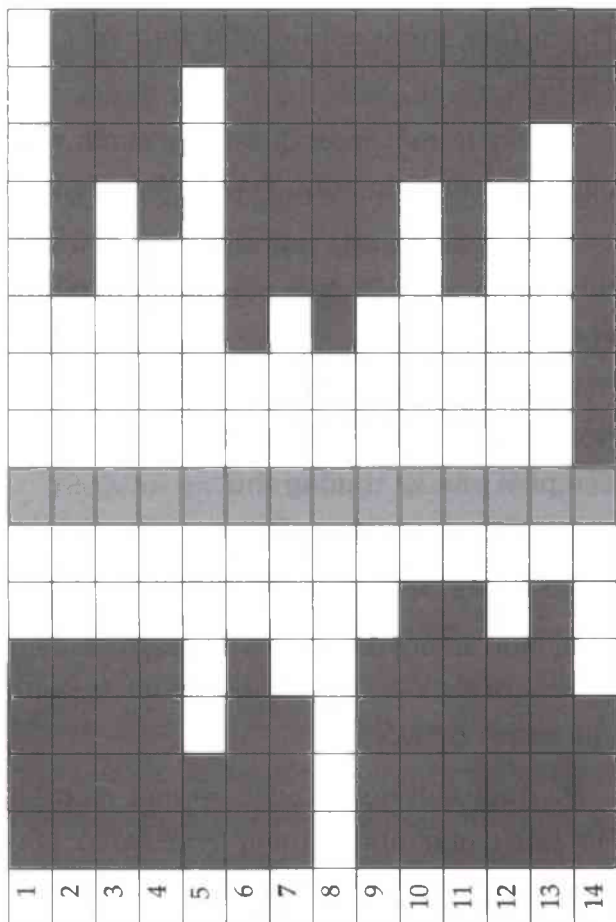
+ Hiệp hội Bóng rổ của Mỹ được thành lập tại thành phố New York.

Ô CHỮ THẰNG LONG

Sau khi tìm ra được tất cả những từ hàng ngang, bạn sẽ biết ô chữ hàng dọc là gì. Bạn hãy điền vào những ô chữ sáng màu nhé.

Lưu ý: Đừng quên dựa vào những câu hỏi gợi ý có sẵn phía dưới.

Ô CHỮ SỐ 1



CÂU HỎI GỢI Ý:

1. Đây là một đặc sản của Hà Nội mà Thạch Lam ưu ái gọi là "*Một thức quà của lúa non*".

2. Đây là một món quà sáng thanh mát nổi tiếng của làng nghề Tương Mai, Hà Nội.

3. Món ăn dân dã mà người Hà Nội xưa thường ăn vào bát chiết yêu, nồng nàn mùi vị của hành dăm.

4. Món ăn đặc sản của vùng Cổ Ngự, Hà Nội mà mỗi lần ghé Phủ Tây Hồ du khách đều phải nán lại thưởng thức.

5. Món quà quê dân dã nổi tiếng vùng Quán Gánh, Hà Nội.

6. Món ăn nổi tiếng mà Vũ Bằng đã không ngớt ngợi ca là "*cái đích nghệ thuật ăn ngon của người Hà Nội*".

7. Hình ảnh quen thuộc về một món ăn Hà Nội trong nhà thương Phủ Doãn đầu thập niên 40 của thế kỉ trước được nhà văn Thạch Lam hết lời khen ngợi.

8. Thức quà nổi tiếng ngon của vùng chợ Mơ, Hà Nội, cũng được quấy như bánh đúc.

9. Món ăn đặc sản của Hà thành mà trang viết Thạch Lam từng đề cập là *"Ngàn năm bửu vật đất Thăng Long"*.

10. Đây là tên gọi khác của món lạc rang gắn liền với hình ảnh chú khách què ở Bờ Hồ thế kỉ trước.

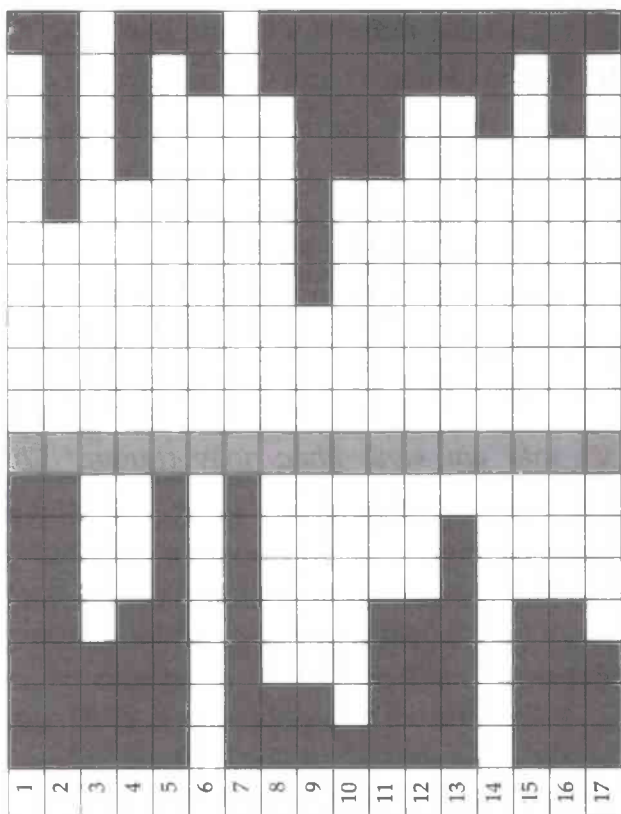
11. Thức quà uống quen thuộc của người Hà Nội gắn liền với hình ảnh các phố cổ như: Hàng Hành, Cầu Gỗ, Nguyễn Hữu Huân...

12. Món ăn thanh nhẹ, mát rượi và rất đặc biệt của người Thanh Trì, Hà Nội.

13. Thức quà gắn liền với con phố ngắn nhất Hà Nội, phố Hồ Hoàn Kiếm.

14. Món ăn mà hễ *"Tháng chín đôi mươi, tháng mười mừng năm; cũ ấy không ăn là nhớ là thắc thỏm như lỡ một cuộc hẹn hò"* (Theo Băng Sơn, *Thú ăn chơi người Hà Nội*).

Ô CHỮ SỐ 2



CÂU HỎI GỢI Ý:

1. Ca khúc được Phú Quang phổ nhạc từ lời thơ của Hồng Thanh Quang: *"Người đàn bà giấu đêm vào trong tóc / Em tìm gì khi thất vọng về tôi?"*

2. Bài hát của nhạc sĩ Hồng Đăng với hình ảnh loài hoa đặc trưng của mùa thu Hà Nội.

3. *"Không thể nói trời không trong hơn/
Và mắt em xanh khác ngày thường/
Khi đoàn quân kéo về mùa thu ấy/
Nhịp trống rung ba mươi sáu phố phường"* là những câu hát đầu tiên trong ca khúc nào được phổ nhạc từ lời thơ Tạ Hữu Yên?

4. Ca khúc nổi tiếng của nhạc sĩ Vũ Thanh ra đời trong những ngày thủ đô Hà Nội sục sôi chiến thắng bom Mĩ tấn công.

5. *"Ngõ nhỏ, phố nhỏ"* là hình ảnh của một Hà Nội đẹp bình dị trong ca khúc này.

6. Ca khúc này của nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn đã nâng hình ảnh Hà Nội trở thành một biểu tượng đẹp với niềm tự hào không xiết của mỗi người dân thủ đô.

7. Lời ca hào hùng, khí thế sục sôi của đoàn quân chiến thắng tiến vào năm cửa ô là hình ảnh ngời sáng trong nhạc phẩm của nhạc sĩ Văn Cao.

8. Ca khúc nổi tiếng nào mà nhạc sĩ Phú Quang viết về hình ảnh Hà Nội trong nỗi nhớ của mỗi người con thủ đô luôn khắc khoải, ngóng đợi ngày trở về.

9. Hình ảnh Hà Nội về đêm trong ánh sáng lung linh của buổi hẹn hò đã trở thành niềm cảm hứng để nhạc sĩ Trần Hoàn viết nên ca khúc tuyệt vời này.

10. Một sáng tác của nhạc sĩ Nguyễn Tiến ghi lại hình ảnh một Hà Nội trong cảm thức cơn mưa chiều.

11. *"Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây/
Đây lắng hồn núi sông ngàn năm..."* đó là

câu hát mở đầu trong một nhạc phẩm nổi tiếng của người con Hà Nội - nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi.

12. Bài hát nổi tiếng của nhạc sĩ Phú Quang được mở đầu tiếng gọi tha thiết với hình ảnh *"mùi hoàng lan"*.

13. Nhạc phẩm của Hoàng Hiệp về tâm trạng người con xa Hà Nội, thủ đô yêu dấu trong nỗi nhớ cồn cào.

14. *"Đành lòng xa nhé, Hà Nội mến yêu ơi"* là tiếng gọi thiết tha của người con xa thủ đô trong kí ức khắc khoải và niềm mong mỏi trở về. Đó là ca khúc nào?

15. Âm nhạc Phú Quang đã kết tinh trong bài hát những xúc cảm nhẹ nhàng, lắng đọng về tâm trạng cồn cào một nỗi nhớ khi *"gió mùa đông bắc đã về"*. Đó là ca khúc nào?

16. Ca khúc của nhạc sĩ Vũ Thanh ghi lại hình ảnh một Hà Nội giản dị trong hương sắc mùa thu.

17. Bài hát về Hà Nội của nhạc sĩ Trọng Đài gắn liền với giọng ca Mĩ Linh, lần đầu xuất hiện trên sân khấu năm 1993.

ĐÁP ÁN:

1						H	À	N	Ô								
2																	U
3			C	Ả	M	X				Ú	C	H	À	N	Ô		Ồ
4						B	À	I									
5																	I
6																	
7																	I
8																	
9																	
10																	
11																	
12																	
13																	
14																	
15																	
16																	
17																	

Ô CHỮ SỐ 3

N	K	L	I	V	U	R	P	H	O	C	O	H	A	N	O	I	R
H	E	S	N	M	U	G	E	F	R	T	M	B	X	W	D	P	S
A	W	E	X	B	V	O	L	K	P	O	P	H	J	E	Z	C	A
S	Q	J	G	H	D	L	N	Z	Y	M	G	F	N	D	P	I	Q
A	S	Q	Z	G	B	E	M	H	K	J	S	Q	U	W	C	U	P
N	J	B	V	S	E	R	F	G	O	R	U	N	V	X	Z	M	K
B	T	T	G	O	D	O	N	G	D	A	J	B	C	H	O	W	N
A	G	I	A	V	Q	S	T	I	N	G	C	Z	R	E	L	L	O
C	V	Q	Z	O	D	O	R	T	R	E	V	H	N	F	G	M	L
H	Z	W	X	C	S	U	H	E	V	R	A	P	I	E	R	X	T
O	E	Q	A	F	M	A	N	X	P	D	M	U	W	L	S	P	A
K	R	V	R	H	N	E	C	T	U	I	H	R	O	U	I	L	H
G	L	Z	V	H	J	K	T	H	E	R	C	E	I	H	Z	N	A
C	H	U	A	B	A	G	I	A	O	P	A	G	L	B	R	O	H
V	M	Z	P	J	H	B	X	E	R	Q	B	M	Z	C	E	M	N
E	B	C	G	T	Y	U	I	O	P	W	N	G	R	T	U	Q	L
R	N	H	J	L	U	Y	W	Q	A	N	E	M	A	Z	Y	D	V
F	C	B	A	C	B	O	P	H	U	A	D	L	O	P	I	Q	X

Tìm và nối những chữ cái theo hàng ngang, hàng dọc, hàng chéo để tạo thành các đáp án có nghĩa theo gợi ý dưới đây:

1. Đây là di sản kiến trúc nằm giữa lòng thủ đô, gắn liền với cuộc sống và hoạt động Cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Đây là một trong những công trình kiến trúc Phật giáo bề thế và quy mô nhất thành Thăng Long trong thời Lê, nằm trên đất Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.

3. Di tích lịch sử có ý nghĩa văn hoá quan trọng của người Hà Nội, là nơi thờ một trong bốn vị thần tứ trấn kinh thành Thăng Long.

4. Di tích lịch sử gắn liền với lễ hội Mừng 5 Tết Nguyên Đán, kỉ niệm chiến thắng Ngọc Hồi của người anh hùng áo vải Quang Trung.

5. Quần thể kiến trúc độc đáo của Hà Nội trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho tác phẩm hội hoạ của hoạ sĩ Bùi Xuân Phái.

6. Di tích lịch sử Cách mạng này trong thời Pháp thuộc từng là Phủ thống sứ Bắc kì.

7. Di tích lịch sử văn hoá của Hà Nội gắn liền với nhiều sự kiện có ý nghĩa quan trọng: Quốc hội khoá I họp hai kì đầu tiên sau năm 1945, nơi phát khởi công cuộc Tổng khởi nghĩa trên toàn quốc và còn có tấm biển trước cửa đề "Quảng trường Cách mạng tháng Tám".

8. Đây là địa điểm trung tâm của thủ đô Hà Nội, nơi đặt tượng đài Lý Thái Tổ mà trước đó còn có tên là Indira Gandhi.

9. Nơi thờ Thánh Trần Vũ, một trong những Tứ trấn Thăng Long tại Hà Nội.

10. Ngôi chùa được xây dựng từ thời Tiền Lê, nằm bên Hồ Tây thơ mộng, nơi còn lưu giữ nhiều thư tịch Hán Nôm rất có giá trị và trở thành di tích lịch sử văn hoá thủ đô.

ĐÁP ÁN:

1. NHÀ SÀN BÁC HỒ
2. CHÙA BÀ GIÀ
3. ĐỀN BẠCH MÃ
4. GÒ ĐỒNG ĐA
5. PHỐ CỔ HÀ NỘI
6. BẮC BỘ PHỦ
7. NHÀ HÁT LỚN
8. VƯỜN HOA CHÍ LINH
9. ĐỀN QUÁN THÁNH
10. TẢO SÁCH

N	K	L	I	V	U	R	P	H	O	C	O	H	A	N	O	I	R
H	E	S	N	M	U	G	E	F	R	T	M	B	X	W	D	P	S
A	W	E	X	B	V	O	L	K	P	O	P	H	J	E	Z	C	A
S	Q	J	G	H	D	L	N	Z	Y	M	G	F	N	D	P	I	Q
A	S	Q	Z	G	B	E	M	H	K	J	S	Q	U	W	C	U	P
N	J	B	V	S	E	R	F	G	O	R	U	N	V	X	Z	M	K
B	T	T	G	O	D	O	N	G	D	A	J	B	C	H	O	W	N
A	G	I	A	V	Q	S	T	I	N	G	C	Z	R	E	L	L	O
C	V	Q	Z	O	D	O	R	T	R	E	V	H	N	F	G	M	L
H	Z	W	X	C	S	U	H	E	V	R	A	P	I	E	R	X	T
O	E	Q	A	F	M	A	N	X	P	D	M	U	W	L	S	P	A
K	R	V	R	H	N	E	C	T	U	I	H	R	O	U	I	L	H
G	L	Z	V	H	J	K	T	H	E	R	C	E	I	H	Z	N	A
C	H	U	A	B	A	G	I	A	O	P	A	G	L	B	R	O	H
V	M	Z	P	J	H	B	X	E	R	Q	B	M	Z	C	E	M	N
E	B	C	G	T	Y	U	I	O	P	W	N	G	R	T	U	Q	L
R	N	H	J	L	U	Y	W	Q	A	N	E	M	A	Z	Y	D	V
F	C	B	A	C	B	O	P	H	U	A	D	L	O	P	I	Q	X

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lịch sử Thủ đô Hà Nội*, Trần Huy Liệu (Chủ biên), NXB Lao động, 2009
2. *1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Trẻ, 2009
3. *Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, Đinh Gia Khánh, NXB Hà Nội, 2008
4. *Phố và đường Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Giao thông vận tải, 2004
5. *Thăng Long - Hà Nội, một nghìn sự kiện lịch sử*, Vũ Văn Quân (Chủ biên), NXB Hà Nội, 2007
6. *Hà Nội, cội đất, cội người*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Thế giới, 2005
7. *Thú ăn chơi người Hà Nội*, Bằng Sơn, NXB Văn hoá Thông tin, 2008
8. *Lãng du trong văn hoá Việt Nam*, Hữu Ngọc, NXB Thanh niên, 2008

9. *Hà Nội, những sắc màu văn hoá*, nhiều tác giả, NXB Lao động, 2009
10. *1000 câu hỏi - đáp về Thăng Long - Hà Nội*, 2 tập, Nguyễn Hải Kế [Chủ biên], NXB Hà Nội, 2009
11. *Các thành hoàng và tín ngưỡng Thăng Long - Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, Nguyễn Duy Hình, NXB Lao động, 2009
12. *1000 năm Thăng Long - Hà Nội, những hoạt động quân sự tiêu biểu*, NXB Quân đội nhân dân, 2000
13. *Hà Nội tự điển*, Nguyễn Bắc, Bùi Hạnh Cẩn, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Hà Nội, 1990
14. *Trên mảnh đất ngàn năm văn vật*, Trần Quốc Vượng, NXB Hà Nội, 2009
15. *54 vị hoàng đế Việt Nam*, Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung, NXB Quân đội nhân dân, 2009
16. *54 vị hoàng hậu Việt Nam*, Đặng Việt Thủy, Đặng Thành Trung, NXB Quân đội nhân dân, 2009

17. *Những con số Đầu Tiên trong lịch sử Việt Nam*, NXB Lao động, 2009
18. *Thượng kinh kí sự, Lan trì kiến văn lục*, Lê Hữu Trác, NXB Văn học, 2008
19. *Hà Nội, văn hoá và phong tục*, Lý Khắc Cung, NXB Lao động, 2009
20. *Hà Nội nghìn xưa*, Trần Quốc Vượng, Vũ Tuân Sán, NXB Hà Nội, 2009
21. *Hà Nội, thành phố nghìn năm*, Nguyễn Vinh Phúc, NXB Trẻ, 2009
22. *Trí thức Việt Nam thời xưa*, Vũ Khiêu, NXB Thuận Hóa, 2006
23. *Hà Nội như tôi hiểu*, Trần Quốc Vượng, NXB Thời đại, 2009

24. *Lịch sử Thăng Long – Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc, Lê Văn Lan, Nguyễn Minh Tường, NXB Thời đại, 2009
25. *Non nước Hà Nội*, Quảng Văn, NXB Hà Nội, 2009
26. *Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn*, Trịnh Quang Khanh, NXB Văn hoá Thông tin, 2009
27. *Lễ hội văn hoá và du lịch Việt Nam*, NXB Lao động, 2009
28. *Tổng tập 1000 năm Thăng Long - Hà Nội* - NXB Hà Nội, 2009
29. Một số bài viết trên các báo, tạp chí, tập san, internet...

Thăng Long - Hà Nội

Những điều tôi muốn biết

Tập 2

(Tái bản lần thứ 2)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội - ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 39251001 - 39250987 - Fax: (08) 39251012

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc : VŨ THỊ QUỲNH LIÊN

Biên tập : TRẦN NHẬT MỸ

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản : NGUYỄN THANH HƯỜNG

Sửa bài : NGUYỄN ÁNH LY

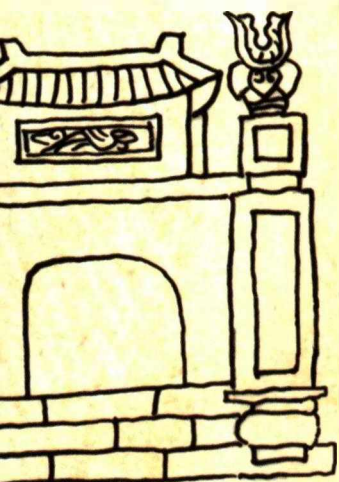
In và gia công 1.500 bản - Khổ 11 cm x 18 cm - Tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh

Địa chỉ : Lô B2-2-5 KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

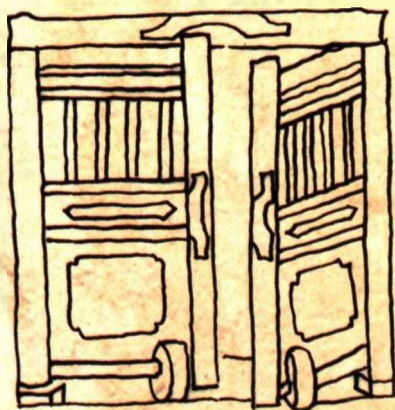
Số xác nhận đăng ký xuất bản : 2242-2016/CXBIPH/23-116/KĐ cấp ngày 13/7/2016

Quyết định xuất bản số : 419/QĐKĐ kí ngày 4/8/2016

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2016.



THĂNG
LONG
HÀ NỘI
NHỮNG
ĐIỀU
TÔI
MUỐN
BIẾT



Trải qua một thiên niên kỉ phát triển với bao thăng trầm, là “nơi thượng đồ kinh sư mãi muôn đời”, trong lòng kinh đô Thăng Long xưa và Hà Nội ngày nay ẩn chứa bao kho tàng quý báu với vô vàn giá trị truyền thống, văn hóa, lịch sử của xã hội Việt Nam. Đây cũng là vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn với biết bao con người đã làm nên lịch sử. Để dòng chảy ấy không đứt đoạn, những giá trị truyền thống đó cần được lưu truyền lại tới thế hệ tương lai của đất nước.

Bộ sách *Thăng Long - Hà Nội, những điều tôi muốn biết* (gồm 2 tập) với những câu hỏi đáp ngắn gọn được chia theo từng mục như Thăng Long địa linh, Thăng Long nhân kiệt, Thăng Long lịch sử, Thăng Long truyền thống & hào hoa; ngoài ra còn có phần Thăng Long-quy chiếu ra thế giới và cả trò chơi trí tuệ như giải ô chữ sẽ giới thiệu tới các bạn một bức tranh đa dạng về Thăng Long - Hà Nội từ xưa đến nay.



6161304120019

Giá: 26.000đ

www.nhaskimdong.com.vn
www.facebook.com/nhaskimdong



ISBN 978-604-2-04944-3

BECOME A MEMBER



THƯ VIỆN EBOOK KIM ĐỒNG